

Đương Sô: Xemtuong - Âm Nam

Cung mệnh: Tân Mùi - Thai Nguyên: Đinh Mão

Thân Vượng: Mộc 26/50

Dụng Thần: Thủ Hỏa

XemTuong.net  
lá số tử trù và bình giải

| Trụ Năm 1980                                     |                             |                                | Trụ Tháng 01                            |                             |                              | Trụ Ngày 03                              |                                    |            | Trụ Giờ 20:01                        |                               |                                   |  |
|--|-----------------------------|--------------------------------|---|-----------------------------|------------------------------|--|------------------------------------|------------|--------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------|--|
| T.Tài<br>KỶ<br>Kỳ<br>T.Tài<br>Tuyệt              | MÙI<br>Át<br>Tỷ<br>Bệnh     | Tuyệt<br>Q.Đói<br>Đinh<br>Thực | Thương<br>BÍNH<br>Quý<br>Kiêu<br>L.Quan | TÝ<br>Quý<br>Kiêu<br>L.Quan | Thai<br>Thai                 | Thân<br>ẤT<br>Giáp<br>Kiếp<br>M.Dục      | Án<br>HỢI<br>Nhâm<br>Án<br>Đ.Vượng | Bệnh<br>Tử | Thương<br>BÍNH<br>Mậu<br>Tài<br>Thai | TUẤT<br>Đinh<br>Thực<br>Tuyệt | Thai<br>Mộ<br>Tân<br>Sát          |  |
| Dưỡng  |                             |                                | Bệnh                                    |                             |                              | Tử                                       |                                    |            | Mộ                                   |                               |                                   |  |
| Hoa Cái<br>Thái Cực<br>Đức Quý Nhân<br>Phúc Tinh | Thiên Át QN<br>Đào Hoa      |                                |   | Đại Hao                     |                              |  | Thiên Y<br>Học Sỹ<br>Quốc Ân       |            |                                      | Thái Cực                      |                                   | Địa Võng<br>Giáo<br>Âm Lộc<br>Phi Nhận |
| Đại Vận 0 (0 - 8 tuổi)                           |                             |                                | Đại Vận 1 (9 - 18 tuổi)                 |                             |                              | Đại Vận 2 (19 - 28 tuổi)                 |                                    |            | Đại Vận 3 (29 - 38 tuổi)             |                               |                                   |  |
| Thương<br>BÍNH<br>Quý<br>Kiêu<br>L.Quan          | TÝ<br>Quý<br>Kiêu<br>L.Quan | Thai                           | Tỷ<br>ẤT<br>Giáp<br>Kiếp<br>T.Sinh      | HỢI<br>Nhâm<br>Án<br>L.Quan | Tử                           | Kiếp<br>GIÁP<br>Mậu<br>Tài<br>Mộ         | TUẤT<br>Đinh<br>Thực<br>Dưỡng      | Dưỡng      | Kiêu<br>QUÝ<br>DẬU<br>L.Quan         | DẬU<br>Tân<br>Sát             | Bệnh                              |  |
| Đại Vận 4 (39 - 48 tuổi)                         |                             |                                | Đại Vận 5 (49 - 58 tuổi)                |                             |                              | Đại Vận 6 (59 - 68 tuổi)                 |                                    |            | Đại Vận 7 (69 - 78 tuổi)             |                               |                                   |  |
| Án<br>NHÂM<br>Canh<br>Quan<br>L.Quan             | THÂN<br>Mậu<br>Tài<br>Bệnh  | T.Sinh                         | Sát<br>TÂN<br>Ký<br>T.Tài<br>Q.Đói      | MÙI<br>Át<br>Tỷ<br>Dưỡng    | Suy<br>Đinh<br>Thực<br>Q.Đói | Quan<br>CANH<br>Đinh<br>Thực<br>L.Quan   | NGỌ<br>Ký<br>T.Tài<br>L.Quan       | M.Dục      | T.Tài<br>Bính<br>Thương<br>L.Quan    | TÝ<br>Mậu<br>Tài<br>L.Quan    | Đ.Vượng<br>Canh<br>Quan<br>T.Sinh |  |
| Đại Vận 8 (79 - 88 tuổi)                         |                             |                                | Đại Vận 9 (89 - 98 tuổi)                |                             |                              | Đại Vận 10 (99 - 108 tuổi)               |                                    |            | Đại Vận 11 (109 - 118 tuổi)          |                               |                                   |  |
| Tài<br>MẬU<br>Mậu<br>Tài<br>Q.Đói                | THÌN<br>Át<br>Tỷ<br>Q.Đói   | Q.Đói                          | Thực<br>ĐINH<br>Át<br>Tỷ<br>L.Quan      | MÃO<br>Tỷ<br>Tỷ<br>L.Quan   | Bệnh                         | Thương<br>BÍNH<br>Giáp<br>Kiếp<br>L.Quan | DÀN<br>Bính<br>Thương<br>T.Sinh    | T.Sinh     | Tỷ<br>ẤT<br>Ký<br>T.Tài<br>Mộ        | SƯU<br>Tân<br>Sát<br>Dưỡng    | Suy<br>Quý<br>Kiêu<br>Q.Đói       |  |

|              |              |                    |              |              |                  |                |              |                    |              |              |                    |             |              |                   |
|--------------|--------------|--------------------|--------------|--------------|------------------|----------------|--------------|--------------------|--------------|--------------|--------------------|-------------|--------------|-------------------|
| T.Tài<br>KỶ  | 1979<br>MÙI  | 1 tuổi<br>Q.Đói    | Quan<br>CANH | 1980<br>THÂN | 2 tuổi<br>L.Quan | Sát<br>TÂN     | 1981<br>DẬU  | 3 tuổi<br>L.Quan   | Án<br>NHÂM   | 1982<br>TUẤT | 4 tuổi<br>Q.Đói    | Kiêu<br>QUÝ | 1983<br>HỢI  | 5 tuổi<br>Đ.Vượng |
| Kiếp<br>GIÁP | 1984<br>TÝ   | 6 tuổi<br>M.Dục    | ⚡ Tỷ<br>ẤT   | 1985<br>SƯU  | 7 tuổi<br>Suy    | Thương<br>BÍNH | 1986<br>DÀN  | 8 tuổi<br>T.Sinh   | Thực<br>ĐINH | 1987<br>MÃO  | 9 tuổi<br>Bệnh     | Tài<br>MẬU  | 1988<br>THÌN | 10 tuổi<br>Q.Đói  |
| T.Tài<br>KỶ  | 1989<br>TÝ   | 11 tuổi<br>Đ.Vượng | Quan<br>CANH | 1990<br>NGỌ  | 12 tuổi<br>M.Dục | Sát<br>TÂN     | 1991<br>MÙI  | 13 tuổi<br>Suy     | Án<br>NHÂM   | 1992<br>THÂN | 14 tuổi<br>T.Sinh  | Kiêu<br>QUÝ | 1993<br>DẬU  | 15 tuổi<br>Bệnh   |
| Kiếp<br>GIÁP | 1994<br>TUẤT | 16 tuổi<br>Dưỡng   | Tỷ<br>ẤT     | 1995<br>HỢI  | 17 tuổi<br>Tử    | Thương<br>BÍNH | 1996<br>TÝ   | 18 tuổi<br>Thai    | Thực<br>ĐINH | 1997<br>SƯU  | 19 tuổi<br>Mộ      | Tài<br>MẬU  | 1998<br>DÀN  | 20 tuổi<br>T.Sinh |
| T.Tài<br>KỶ  | 1999<br>MÃO  | 21 tuổi<br>Bệnh    | Quan<br>CANH | 2000<br>THÌN | 22 tuổi<br>Dưỡng | ⚡ Sát<br>TÂN   | 2001<br>TÝ   | 23 tuổi<br>Tử      | ⚡ Án<br>NHÂM | 2002<br>NGỌ  | 24 tuổi<br>Thai    | Kiêu<br>QUÝ | 2003<br>MÙI  | 25 tuổi<br>Mộ     |
| Kiếp<br>GIÁP | 2004<br>THÂN | 26 tuổi<br>Tuyệt   | Tỷ<br>ẤT     | 2005<br>DẬU  | 27 tuổi<br>Tuyệt | Thương<br>BÍNH | 2006<br>TUẤT | 28 tuổi<br>Mộ      | Thực<br>ĐINH | 2007<br>HỢI  | 29 tuổi<br>Thai    | Tài<br>MẬU  | 2008<br>TÝ   | 30 tuổi<br>Thai   |
| T.Tài<br>KỶ  | 2009<br>SƯU  | 31 tuổi<br>Mộ      | Quan<br>CANH | 2010<br>DÀN  | 32 tuổi<br>Tuyệt | Sát<br>TÂN     | 2011<br>MÃO  | 33 tuổi<br>Tuyệt   | ⚡ Án<br>NHÂM | 2012<br>THÌN | 34 tuổi<br>Mộ      | Kiêu<br>QUÝ | 2013<br>TÝ   | 35 tuổi<br>Thai   |
| Kiếp<br>GIÁP | 2014<br>NGỌ  | 36 tuổi<br>Tử      | Tỷ<br>ẤT     | 2015<br>MÙI  | 37 tuổi<br>Dưỡng | Thương<br>BÍNH | 2016<br>THÂN | 38 tuổi<br>Bệnh    | Thực<br>ĐINH | 2017<br>DẬU  | 39 tuổi<br>T.Sinh  | Tài<br>MẬU  | 2018<br>TUẤT | 40 tuổi<br>Mộ     |
| T.Tài<br>KỶ  | 2019<br>HỢI  | 41 tuổi<br>Thai    | Quan<br>CANH | 2020<br>TÝ   | 42 tuổi<br>Tử    | Sát<br>TÂN     | 2021<br>SƯU  | 43 tuổi<br>Dưỡng   | Án<br>NHÂM   | 2022<br>DÀN  | 44 tuổi<br>Bệnh    | Kiêu<br>QUÝ | 2023<br>MÃO  | 45 tuổi<br>T.Sinh |
| Kiếp<br>GIÁP | 2024<br>THÌN | 46 tuổi<br>Suy     | ⚡ Tỷ<br>ẤT   | 2025<br>TÝ   | 47 tuổi<br>M.Dục | Thương<br>BÍNH | 2026<br>NGỌ  | 48 tuổi<br>Đ.Vượng | Thực<br>ĐINH | 2027<br>MÙI  | 49 tuổi<br>Q.Đói   | Tài<br>MẬU  | 2028<br>THÂN | 50 tuổi<br>Bệnh   |
| T.Tài<br>KỶ  | 2029<br>DẬU  | 51 tuổi<br>T.Sinh  | Quan<br>CANH | 2030<br>TUẤT | 52 tuổi<br>Suy   | Sát<br>TÂN     | 2031<br>HỢI  | 53 tuổi<br>M.Dục   | Án<br>NHÂM   | 2032<br>TÝ   | 54 tuổi<br>Đ.Vượng | Kiêu<br>QUÝ | 2033<br>SƯU  | 55 tuổi<br>Q.Đói  |

|              |        |         |          |        |         |                |      |         |              |      |         |            |         |         |
|--------------|--------|---------|----------|--------|---------|----------------|------|---------|--------------|------|---------|------------|---------|---------|
| Kiếp<br>GIÁP | 2034   | 56 tuổi | Tỷ<br>ẤT | 2035   | 57 tuổi | Thương<br>BÌNH | 2036 | 58 tuổi | Thực<br>ĐINH | 2037 | 59 tuổi | Tài<br>MẬU | 2038    | 60 tuổi |
| DÂN          | L.Quan |         | MÃO      | L.Quan |         | THÌN           |      | Q.Đới   | TY           |      | Đ.Vượng | NGỌ        | Đ.Vượng |         |

Kim Hỏa Thủy Thổ Mộc ⚡ Thiên khắc địa xung

## Giới Thiệu

Thân chào Quý Anh Xemtuong,

Chúng tôi xin gửi đến Quý Anh Xemtuong lá số tử trụ này và luận giải cùng Quý Anh những vấn đề mà Quý Anh đang quan tâm trong lá số. Trong phần bình giải Quý Anh hãy xem kỹ câu nào đúng với mình nhất và bỏ qua những câu không đúng, vì trong phần bình giải chúng tôi nhập rất nhiều lời giải, bao gồm những lời giải ví dụ cho các trường hợp khác mà có thể trong lá số Quý Anh không có.

Trước khi vào phần chi tiết thì chúng tôi xin nói sơ về tử trụ, bát tự hay tử trụ là dùng phương pháp cân bằng ngũ hành để bù khuyết cho những ai có ngũ hành thiếu như thiếu mộc, hỏa, kim, thủy nhằm cải vận cho vận trình của cuộc đời, mang lại hạnh phúc và thành công trong cuộc sống thông qua học thuật mệnh lý. Môn mệnh lý học này giúp Quý Anh dự đoán vận trình may rủi trong đời người thông qua bốn trụ: năm, tháng, ngày và giờ mà con người được sinh ra.

Trải qua hàng ngàn năm, bát tự giúp người ứng dụng dự đoán phần nào những sự việc sẽ xảy ra trong cuộc sống hằng ngày, từ hôn nhân đến sự nghiệp, thời tiết... nhằm đem lại sự thuận lợi cho cuộc sống.

Bát tự chú trọng đến cung vị. Nó cung cấp những tri thức để người dùng thông qua ngày tháng, năm sinh biết những chỗ thừa, chỗ thiếu nhằm tìm ra những yếu tố (dụng thần) giúp cân bằng sự thiếu hụt đó. Bát tự cho biết thời vận tốt xấu để người dùng dự đoán trước vận mệnh mình hòng tìm ra những yếu tố hợp lý để cải vận.

Cho dễ hiểu hơn, tử trụ là dùng luật ngũ hành tương sinh tương khắc và theo qui tắc cứ quân bình là tốt: hễ "hành" nào thiếu thì đi vào vận có hành đó hoặc có một hành sinh ra nó (ví dụ thiếu hỏa, di vận có hỏa hoặc có mộc sinh hỏa) mới tốt.

Quý Anh nên lưu ý rằng tất cả các lời giải của chúng tôi điều là phán đoán dựa theo các sách dự đoán theo tử trụ và kinh nghiệm cá nhân, do đó chúng tôi không bảo đảm tính chính xác và không chịu trách nhiệm với bất kỳ lý do gì về lời giải, Quý Anh cần phải xem [nội quy](#) trước khi xem tiếp để tránh rắc rối sau này.

Phần can chi 12 con giáp của tử trụ được tính theo lịch tiết khí, do đó đôi lúc nó sẽ khác can chi 12 con giáp của lịch âm, như tử vi, bói toán. Do đó Quý Anh đừng nghĩ chúng tôi lập trình can chi 12 con giáp của phần tử trụ này sai, mà là nó được lập theo lịch tiết khí nên sẽ khác lịch âm.

Phần tử trụ này được chúng tôi viết mới hoàn toàn bằng ngôn ngữ web php, dưới sự giám sát chặt chẽ và cố vấn từ các chuyên gia mệnh học của XemTướng.net, và trong thời gian tới chúng tôi sẽ liên tục cập nhật những thuật toán mới để lá số được bình giải đúng và chính xác nhất.

Chúc Quý Anh mạnh khỏe, thành công và tìm được điều có ích sau khi xem vận mệnh!

Xemtuong.net

## Phân Tích Lá Số Tử Trụ

### Thông Căn của Nhật Nguyên

Nhật nguyên là **Át Mộc** gặp địa chi trù năm **Mùi Thổ** không thông, là vô căn.

Nhật nguyên là **Át Mộc** gặp địa chi trù tháng **Tý Thủy** được Thông căn Trường Sinh Lộc Nhận \*\*.

Nhật nguyên là **Át Mộc** gặp địa chi trù ngày **Hợi Thủy** được Thông căn Trường Sinh Lộc Nhận \*\*.

Nhật nguyên là **Át Mộc** gặp địa chi trù giờ **Tuất Thổ** không thông, là vô căn.

Sự thông căn của nhật nguyên là một thành phần để xét thân vượng và thân nhược. Căn càng nhiều thì can

càng vững mạnh và khả năng thân vượng càng cao.

Điểm 5/10

### Lệnh Tháng với tú trụ

Can Năm **Kỷ** sinh tháng **Tý** tọa ở **Tuyệt** nên không được Lệnh tháng.

Can Tháng **Bính** sinh tháng **Tý** tọa ở **Thai** nên không được Lệnh tháng.

Can Ngày **Ất** sinh tháng **Tý** tọa ở **Bệnh** nên không được Lệnh tháng.

Can Giờ **Bính** sinh tháng **Tý** tọa ở **Thai** nên không được Lệnh tháng.

**Thai nguyên: Đinh Mão** (Thai nguyên tức là tháng thụ thai)

**Thai Tức: Canh Dần** (Thai tức là một cặp can chi tương hợp với can chi ngày sinh)

Sau khi kết hợp can chi của Thai nguyên và Thai tức thì chúng tôi cho rằng giữa hai 2 địa chi Mão Dần này thuộc nhóm Dần Ngọ Tuất tam hợp Hỏa, tốt.

### Xét Cung Mệnh, Thai Nguyên và Tú Trụ

Thai nguyên **Đinh Mão** nạp âm là **Hỏa**, gặp cung mệnh Tân **Mùi** nạp âm là **Thổ** là tương sinh, theo lý là cuộc đời Quý Anh được phúc lộc.

Thai nguyên **Đinh Mão** nạp âm là **HỎA**, gặp trụ năm **Kỷ Mùi** nạp âm là **HỎA** là bình hòa thì trong khoản thời gian ở tuổi thiếu niên cuộc sống bình hòa.

Thai nguyên **Đinh Mão** nạp âm là **HỎA**, gặp trụ tháng **Bính Tý** nạp âm là **Thủy** là tương khắc thì trong khoản thời gian ở tuổi thanh niên có biến động nhẹ.

Thai nguyên **Đinh Mão** nạp âm là **HỎA**, gặp trụ ngày **Ất Hợi** nạp âm là **HỎA** là bình hòa thì trong khoản thời gian ở tuổi trung niên cuộc sống bình hòa.

Thai nguyên **Đinh Mão** nạp âm là **HỎA**, gặp trụ giờ **Bính Tuất** nạp âm là **Thổ** là tương sinh thì trong khoản thời gian ở tuổi già được sung túc ấm êm.

Thai Nguyên và Cung Mệnh chủ đích nói về **Quí** và **Thọ**, nghĩa là xem mệnh được thuận hay bị xung khắc, trường thọ hay đoản thọ. Tương tự như Cục trong Tử Vi, 2 trụ này cho ta một cái nhìn khái quát về bản số và cuộc sống chung quanh. Khi Thai và Mệnh được sinh, không bị khắc chế, thì dù tú trụ kém cỏi, vẫn hưởng được an nhàn hay sống thọ. Cho đến nay, rất ít người dùng 2 trụ này để bồ túc cho tú trụ, hoặc chỉ có những người nghiên cứu lâu năm tự nhận thêm vào mệnh số, củng cố cho sự luận đoán của mình.

### Xét Ngũ Hành Can Chi Tú Trụ

Chúng tôi thấy rằng trụ Năm **Kỷ Mùi** là **Thổ Thổ** bình hòa.

Chúng tôi thấy rằng trụ Tháng **Bính Tý** là **Thủy khắc Hỏa**.

Chúng tôi thấy rằng trụ Ngày **Ất Hợi** là **Thủy sinh Mộc**.

Chúng tôi thấy rằng trụ Giờ **Bính Tuất** là **HỎA sinh Thổ**.

Sau khi phân tích ngũ hành sinh khắc của tú trụ thì chúng tôi cho rằng Mệnh cục ngũ hành này chưa được tốt cho lắm, chưa lưu thông vẫn còn trở ngại, tuy nhiên chỉ cần khi thời cơ đến làm dụng thần đắc lực nắm quyền (khi đến đại vận và lưu niên phù hợp) thì vận khí sẽ đi lên và cuộc đời khi đó sẽ được tốt đẹp, may mắn.

Điểm 5/8

### Xét thiên can địa chi trụ ngày

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ năm thì giữa hai 2 địa chi Hợi Mùi này thuộc nhóm Hợi Mão Mùi tam hợp Mộc, tốt.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ tháng thì giữa hai 2 địa chi Hợi Tý này thuộc nhóm Thân Tý Thìn tam hợp Thủy, tốt.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ giờ thì giữa hai cặp can chi Ất Hợi và Bính Tuất này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.

### Thân Vượng: Mộc 26/50

Qua phân tích can Nhật chủ với các thiên can địa chi trong tú trụ thì chúng tôi cho rằng Quý Anh có Thân **Mộc** Vượng, với số điểm phân tích của chúng tôi là **26/50** điểm. Tuy nhiên chúng tôi có thêm một thuật toán khác về thân vượng nhược mà ở đây **18/36** điểm cũng là thân Vượng do đó rất chắc chắn Quý Anh là **Thân Vượng Mộc**. Để Quý Anh rõ hơn thì chúng tôi xin công bố điểm bình quân của cả hai cách tính thân vượng

nhược, cách chính thì điểm bình quân là 25 điểm, cách phụ là 18 điểm, chỉ cần điểm tăng lên hay giảm xuống 1 điểm ở ranh giới thôi là kết quả vượng nhược khác nhau, dó đó hãy nhìn điểm bình quân để biết thân vượng nhược nhiều hay ít.

Theo lý nếu thân mà nhược thì dụng thần sẽ là một hành mà có thể sinh thêm cho thân nhược, còn nếu thân vượng thì dụng thần sẽ là một hành xung khắc với thân vượng để hãm bớt thân vượng. Ở đây là thân Vượng **Mộc** thì dụng thần nên là **Kim** để khắc bớt **Mộc**, tuy nhiên đó chỉ là lý thuyết, hiện nay chúng tôi đang dùng một thuật toán tính dụng thần khác của chuyên gia mệnh học XemTuong.net, và có thể có dụng thần của chuyên gia khác với dụng thần lý thuyết, tuy nhiên nếu dụng thần lý thuyết trùng với dụng thần của chuyên gia thì sẽ thêm phần chắc chắn.

## Về Dụng Thần

Dụng thần là cái làm cân bằng Tứ Trụ (trừ các trường hợp ngoại lệ). Từ dụng thần có thể dự đoán được mọi họa hay phúc của đời người qua các vận và lưu niên, nó không chỉ có thể giúp ta lập luận chính xác sự việc trong từng đại hạn hay tiểu hạn mà còn hỗ trợ chúng ta thoát những vận hiểm nghèo hoặc giúp ta bắt được những thời cơ tốt trong cuộc đời để mưu sự thành công. Có nghĩa là nếu dụng thần của Quý Anh là hỏa thì đến những năm có hành hỏa hoặc những tháng có hành hỏa như mùa hè hoặc làm thứ gì liên quan tới hành hỏa thì sẽ được vượng khí may mắn, công thành danh toại, bệnh tật tiêu trừ còn nếu làm những thứ chống lại dụng thần Hỏa như hành Thủy thì công việc đỗ bể, bệnh càng thêm nặng (lưu ý Hỏa đây chỉ là ví dụ).

Ví dụ Quý Anh là một người có bối cảnh bát tự là cây cổ thụ ở giữa sông hồ, mưa phùn, gió lạnh, sinh ra lúc tờ mờ sáng, thiếu ánh mặt trời. Vậy Dụng Thần của Quý Anh là gì? Đó là Hỏa và Thổ, vì Hỏa sưởi ấm cho Quý Anh khỏi chết rét, Thổ san lấp ngăn chặn những dòng sông đổ về để Quý Anh không chết úng.

**Dụng Thần: Thổ Hỏa** (cả 2 dụng thần ngang hàng nhau)

### Dụng Thần là **Thổ** (dụng thần 1)

Hành Thổ đại diện cho màu vàng, nâu, màu của đất, phương hướng phát triển thuận lợi là về hướng Đông Bắc, Tây Nam. Thổ đại diện cho các ngành nghề liên quan đến đất đai, bất động sản, nhà đất hoặc các sự vật như núi non, ruộng đồng, xây dựng, đá, cát, xi măng, vật liệu xây dựng, ngành kiến trúc, trung gian môi giới bất động sản, gạch, sứ, vật liệu đá, chất liệu bằng ngọc, phân bón hữu cơ. Chúng tôi không thể liệt kê ra hết tất cả các thứ, nhưng tóm lại những thứ có liên quan đến hành **Thổ** đều tốt cho Quý Anh vì **Thổ** là dụng thần của Quý Anh. Quý Anh có thể dùng bản tra cứu ngũ hành bên dưới để tra những thứ liên quan đến hành **Thổ**.

Quý Anh nên áp dụng triệt để dụng thần trong cuộc sống của mình như thích sử dụng các màu của hành dụng thần. Khi có tiền và điều kiện thì nên đầu tư vào lĩnh vực mà Quý Anh dụng thần thì cơ hội thành công sẽ rất cao.

### Dụng Thần là **Hỏa** (dụng thần 2)

Hành Hỏa đại diện cho màu tím, đỏ, cam, màu của lửa, phương hướng phát triển thuận lợi là về hướng Nam. Thích hợp với những nghề nghiệp và lĩnh vực kinh doanh có liên quan đến các phương diện như: Chiếu sáng, phát sáng, quang học, nhiệt độ lớn, dễ cháy, các loại dầu, các loại cồn, thực phẩm nóng, thực phẩm, cắt tóc, mỹ phẩm hóa trang, trang sức trên người, văn nghệ, văn học, dụng cụ văn phòng phẩm, học sinh văn hóa, văn nhân, tác giả, tác phẩm, biên tập, nhà giáo, hiệu trưởng, thư ký, xuất bản, công vụ, giới chính trị... Chúng tôi không thể liệt kê ra hết tất cả các thứ, nhưng tóm lại những thứ có liên quan đến hành **Hỏa** đều tốt cho Quý Anh vì **Hỏa** là dụng thần của Quý Anh. Quý Anh có thể dùng bản tra cứu ngũ hành bên dưới để tra những thứ liên quan đến hành **HỎA**.

Quý Anh nên áp dụng triệt để dụng thần trong cuộc sống của mình như thích sử dụng các màu của hành dụng thần. Khi có tiền và điều kiện thì nên đầu tư vào lĩnh vực mà Quý Anh dụng thần thì cơ hội thành công sẽ rất cao.

## Gợi ý chọn dụng thần

Thông thường chúng tôi đưa ra từ 2 đến 3 dụng thần cùng lúc, một trong những dụng thần này có cái sẽ tốt cho thân vượng và có cái sẽ tốt cho thân nhược và Quý Anh nên chọn 1 dụng thần để làm dụng thần chủ đạo, những dụng thần còn lại để làm phụ đạo. Nếu Quý Anh là **thân nhược** thì hãy chọn dụng thần **tương sinh** để sinh thêm cho thân nhược, còn nếu Quý Anh là **thân vượng** thì chọn dụng thần **tương khắc** để

khắc hâm bớt thân vượng. Quý Anh hãy xem bản ngũ hành xung khắc bên dưới để biết thêm, mũi tên màu đỏ chỉ những hành xung khắc với nhau còn mũi tên màu xanh chỉ những hành sinh hợp với nhau.

Ngoài ra Quý Anh có thể dùng mèo nhỏ này để xem năm nào tốt với Quý Anh, ví dụ chữ dụng thần Quý Anh có chữ màu xanh lá và màu đỏ thì Quý Anh hãy xem trên lá số ở các ô đại vận, lưu niên nào có hành can chi (con giáp) cùng màu với màu dụng thần thì đó là những năm dụng thần may mắn của Quý Anh, trùng một màu thì tốt ít, trùng cả hai can chi là tốt nhiều, trùng cả đại vận và lưu niên là cực tốt, đó chính là thời cơ để Quý Anh mưu sự làm ăn.

### Thiên khắc địa xung

Trụ Năm Kỷ Mùi bị Át Sửu thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện Át Sửu.

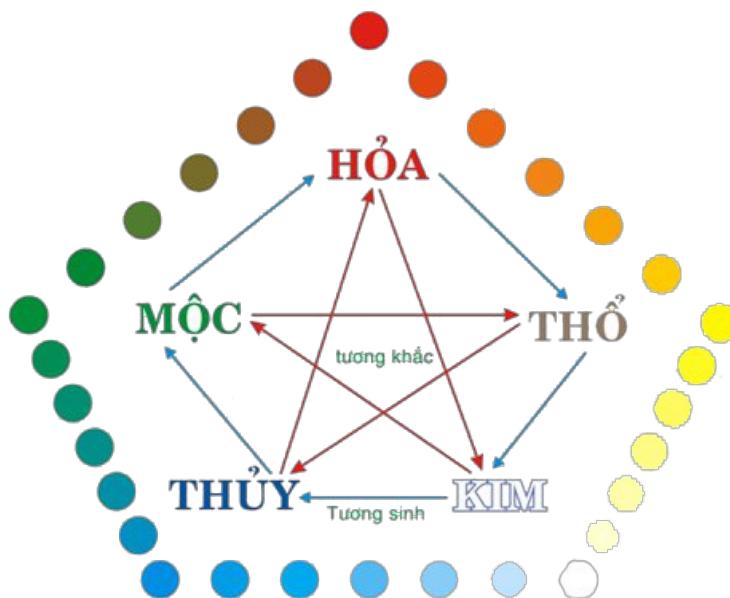
Trụ Tháng Bính Tý bị Nhâm Ngọ thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện Nhâm Ngọ.

Trụ Ngày Ất Hợi bị Tân Ty thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện Tân Ty.

Trụ Giờ Bính Tuất bị Nhâm Thìn thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện Nhâm Thìn.

Theo chúng tôi nhật nguyên (hành can trụ ngày) sợ nhất thiên khắc địa xung. Vì vậy người đoán mệnh sau khi tìm ra Bát tự, cần lập tức xem thiên can địa chi "thiên khắc địa xung" là gì, xem đại vận (10 năm) có gặp hay không, lại xem niên vận từng năm có gặp hay không. Nếu như có, thì phải đặc biệt cẩn thận. Nghiêm trọng nhất là "thiên khắc địa xung" không chỉ ở trụ ngày, mà còn xuất hiện ở trụ năm, vì một khi đã xung là ảnh hưởng toàn bộ trọng tâm của Bát tự, đây là đại nạn. Khi tuổi gặp phải vận Thiên khắc địa xung, hoặc tháng xung, năm xung thì đều không nên đi lại nhiều mà nên nghỉ ngơi trong nhà, đây cũng là một cách để đề phòng vận hạn.

Cho dễ hiểu là Quý Anh nên cẩn trọng với những năm có sự xuất hiện của các Can Chi xung khắc với túc trụ, những năm đó rất xấu với Quý Anh, đặc biệt là ở trụ ngày. Quý Anh hãy nhìn lá số, ô nào có hình tin chớp màu đỏ là bị thiên khắc địa xung tại đó.



Bản Tra Ngũ Hành Tương Ứng:

| Ngũ hành             | Mộc            | HỎA                  | THỔ               | Kim         | Thủy              |
|----------------------|----------------|----------------------|-------------------|-------------|-------------------|
| Thời gian trong ngày | Rạng sáng      | Giữa trưa            | Chiều             | Tối         | Nửa đêm           |
| Giai đoạn            | Sinh Dương cực | Hoàn chỉnh Dương cực | Âm-Dương cân bằng | Sinh Âm cực | Hoàn chỉnh Âm cực |
| Năng lượng           | Nảy sinh       | Mở rộng              | Cân bằng          | Thu nhỏ     | Bảo tồn           |
| Bốn phương           | Đông           | Nam                  | Trung tâm         | Tây         | Bắc               |

| Bốn mùa<br>Ngũ hành | Xuân<br><b>Mộc</b> | Hè<br><b>HỎA</b>       | Giao mùa (18 ngày cuối các<br>mùa) | Thứ                   | Đông<br><b>Thủy</b>   |
|---------------------|--------------------|------------------------|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Thời tiết           | Gió (ấm)           | Nóng                   | Âm                                 | Mát (sương)           | Lạnh                  |
| Màu sắc             | Xanh Lục           | Đỏ                     | Vàng                               | Trắng/Da Cam          | Đen/Xanh lam          |
| Thế đất             | Dài                | Nhỏn                   | Vuông                              | Tròn                  | Ngoắn ngèo            |
| Trạng thái          | Sinh               | Trưởng                 | Hóa                                | Thâu                  | Tàng                  |
| Vật biểu            | Thanh Long         | Chu Tước               | Kỳ Lân                             | Bạch Hổ               | Huyền Vũ              |
| Mùi vị              | Chua               | Đắng                   | Ngọt                               | Cay                   | Mặn                   |
| Cơ thể              | Gân                | Mạch                   | Thịt                               | Da lông               | Xương tuỷ não         |
| Ngũ tạng            | Can (gan)          | Tâm (tim)              | Tỳ (hệ tiêu hoá)                   | Phế (phổi)            | Thận                  |
| Lục phủ             | Đởm (mật)          | Tiểu trướng (ruột non) | Vị (dạ dày)                        | Đại trướng (ruột già) | Bàng quang            |
| Ngũ khiếu           | Mắt                | Lưỡi                   | Miệng                              | Mũi                   | Tai                   |
| Ngũ tân             | Bùn phân           | Mồ hôi                 | Nước dãi                           | Nước mắt              | Nước tiểu             |
| Ngũ đức             | Nhân               | Lễ                     | Tín                                | Nghĩa                 | Trí                   |
| Xúc cảm             | Giận               | Mừng                   | Lo                                 | Buồn                  | Sợ                    |
| Giọng               | Ca                 | Cười                   | Khóc                               | Nói (la, hé, hô)      | Rên                   |
| Thú nuôi            | Chó                | Dê/Cừu                 | Trâu/Bò                            | Gà                    | Heo                   |
| Hoa quả             | Mận                | Mơ                     | Táo tàu                            | Đào                   | Hạt dẻ                |
| Ngũ cốc             | Lúa mì             | Đậu                    | Gạo                                | Ngô                   | Hạt kê                |
| Thập can            | +Giáp, -Ất         | +Bính, -Đinh           | +Mậu, -Kỷ                          | +Canh, -Tân           | +Nhâm, -Quý           |
| Thập nhị chi        | +Dần, -Mão         | -Tỵ, +Ngọ              | +Thìn, +Tuất, -Sửu, -Mùi           | +Thân, -Dậu           | +Tý, -Hợi             |
| Trạng Thái          | Sinh Trưởng        | Nhiệt Năng             | Đất Đại                            | Cứng rắn, Cố kết      | Lưu Động, Không ngừng |

## Bình Giải Chung

### Tổng Quan Người Thuộc Mộc

Theo sách tướng Á Đông thì người thuộc Mộc có nước da hơi xanh, hai bàn tay dài, ngón tay ngón chân dài, mũi dài, thân mình cao vừa phải và hơi gầy; chân mày thưa, râu cũng thưa; cầm vuông, miệng vuông; môi hơi dày, răng bằng và hai răng cửa hơi lớn; đi đứng nhanh nhẹn, cử chỉ lanh lẹ, tiếng nói đều đền nhưng âm lượng hơi cao. Nhìn chung, người thuộc Mộc ít gặp những bất trắc lớn trong cuộc đời, dẫu sống trong cảnh nghèo đói vẫn được yên ổn.

Người mà Mộc khí tú tuyệt thì lông mày không ngay ngắn, cổ dài, yết hầu lộ, da thịt kém tươi, tính cách biền lận, hay lừa dối.

Nhìn chung, người thuộc Mộc hợp với phuơng Đông, làm về các nghề mộc, giấy, trồng hoa, cây giống, hương liệu, đồ tế lễ hoặc kinh doanh về các nghề trên thì thường dễ dàng, may mắn.

### Quý Anh Người Thuộc Mộc Vượng

Người Mộc vượng thường có tầm vóc cao, tay chân dài, khoé miệng tươi, sắc mặt sáng, da trắng đẹp. Là người thanh cao, khảng khái, có lòng bác ái. Tuy nhiên, nếu Mộc quá vượng thường hay mắc bệnh về gan, mật, thần kinh hoặc xương khớp.

### Cung Mệnh ở Mùi sao Thiên trạch

Quý Anh cuộc đời vất vả, an nghiệp khi xa quê.

### Trụ năm của Quý Anh có Thiên Tài

Trụ năm có thiên tài (tài) xa quê làm ăn phát tài. Trường hợp can thiên tài chi có tỳ kiêm thì bô bất lợi hoặc chết nơi đất khách. Trường hợp can chi đều là thiên tài thì tuổi nhỏ làm con nuôi.

### Trụ tháng của Quý Anh có Thương Quan

Trụ tháng có thương quan (Thương): anh em duyên mỏng, bất hòa, bất hiếu. Trường hợp can và chi đều thương quan thì anh em vợ chồng phân ly.

### Trụ ngày của Quý Anh có Chánh Ân

Trụ ngày có chính án (án) thì có bạn đời thông minh, đôn hậu, lương thiện. Nếu gặp thiên nguyệt đức quý nhân, một đời ít bệnh, gặp hung hóa cát nhân từ đạo đức.

### Trụ giờ của Quý Anh có Thương Quan

Trụ giờ có thương quan (thương) thì con cái chí khí cao, hiếu thắng. Hoặc con cái duyên mỏng, học hành dốt nát, không thông minh, không có hiếu. Hào con cái khó khăn. Về già cô độc.

### Trong tú trụ Quý Anh có ám lộc

Ám lộc Cho biết có sự bần cùng, tính không chân thật.

### Trong tú trụ Quý Anh có Phi Nhận

Phi Nhận cho biết Quý Anh hay đầu cơ tích trữ, kiêu ngạo, dễ bị sa sút phá sản.

### Tú Trụ của Quý Anh có Phúc tinh quý nhân

Phúc tinh quý nhân: Phúc lộc song toàn, dễ được sự ủng hộ thành công.

### Tú Trụ của Quý Anh có Thái cực quý nhân

Thái cực quý nhân: Dễ được cấp trên hay quý nhân giúp đỡ, về già hưởng phúc, kỵ không vong hình xung khắc phá.

### Tú Trụ của Quý Anh có Thiên át quý nhân

Thiên át quý nhân: Chủ về thông minh đầy đủ trí tuệ, gặp hung hóa cát dễ được quý nhân cất nhắc giúp đỡ. Gặp tam hợp, lục hợp thì phúc đức gia tăng, tài phú thịnh vượng. Nếu hợp hóa với hỷ dụng thần thì trăm sự đều thuận. Ở vận vượng thì phú quý, một đời ít bệnh.

### Trụ ngày có Chính án và Dương nhẫn cùng trụ

Chính án và Dương nhẫn cùng trụ: tuy có công danh nhưng bị hăm vào bệnh tật.

### Tú Trụ có Hoa Cái

Hoa cái chủ về nghệ thuật, tôn giáo nhưng cô độc. Thông minh đầy đủ tài nghệ, tính cô độc, kỵ không vong hình xung phá.

### Quốc án quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 130)

Quốc án quý nhân trong dự đoán nói chung ít dùng, nhưng người trong tú trụ có quốc án quý nhân và sinh vượng thì hầu hết làm chức to trong nhà nước hoặc nắm quyền quản lý ở cơ quan.

Sao này cũng có thể tham khảo để các cơ quan dùng tuyển người giữ chức cao.

Người tú trụ có quốc án, chỉ về thành thực đáng tin, nghiêm túc thanh liêm, quy củ, hành sự theo lẽ công, vui vẻ với mọi người, lễ nghĩa nhân từ, khí chất hiên ngang.

Nếu án gặp sinh vượng và có cát tinh tương trợ, không gặp xung, phá, khắc, hại thì không những có thể đứng đầu cơ quan mà còn có khả năng tốt.

### Đức quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 132)

Có đức quý nhân là tháng đó đức sinh vượng. Đức quý nhân là thần giải hung âm dương; Người trong mệnh có đức quý nhân mà không bị xung phá, khắc áp thì tính thông minh, ôn hòa trung hậu, nếu gặp học đường quý nhân thì có tài quan, cao sang, nếu bị xung khắc thì bị giảm yếu. Tóm lại đức quý nhân cũng là một loại quý nhân, nó có thể biến hung thành cát. Trong mệnh có nó là người thành thật, tinh thần sáng sủa, nghĩa hiệp thanh cao, tài hoa xuất chúng.

### Giảo (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 153)

Dương nam, âm nữ ngôi thứ ba trước mệnh là giảo. Âm nam, dương nữ ngôi thứ ba sau mệnh là giảo. Giảo nghĩa là trói buộc, cột vào. Mệnh gặp Cầu Giảo hai sát đó thân bị khắc sát, nhưng nhiều cơ mưu, chủ về nắm các việc hình pháp hoặc là tướng soái, những việc sát phạt. Gặp cả hai Cầu Giảo càng nặng, gặp một thì nhẹ

hơn, đi với quan sát thì nặng. Ngày hoặc tuế vận gấp giảo là chủ về tai nạn nát thân.

#### Đại hao / Nguyên thần (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 156)

Nguyên thần còn có tên là Đại hao, là không hợp. Dương sau âm trước là có gấp khúc, gấp khúc là việc không suôn sẻ; Âm sau Dương trước là thẳng nhưng không toại nguyện tức là việc có bạo động mà không trị được, nên gọi là nguyên thần.

Nguyên thần là thần hại trong mệnh. Người trong tứ trụ đã có Thất Sát làm hại, còn gấp phải nguyên thần thì hại càng nặng hơn, không có nguyên thần thì nhẹ.

Nguyên thần tuy xấu, lưu niên đại vận gấp là không tốt, nhưng biết được điều xấu, tránh xa phuong của nguyên thần thì có thể vô hại.

#### Hàm trì / Đào hoa

Người mà tứ trụ gấp đào hoa, không những bản thân đẹp, mà cha mẹ, anh em, vợ (chồng) con cũng đẹp. Những người đẹp, thông minh, nghệ nhân phần nhiều đều có. Vì đào hoa có cát, có hung nên khi gấp tổ hợp không tốt là chủ về sự phong lưu trăng gió, quan hệ mờ ám giữa nam nữ. Nữ, Nếu tháng sinh gấp hàm trì thì vợ chồng đều có ngoại tình.

## Ông Bà Cha Mẹ

Kinh nghiệm cuộc sống cho ta biết, phàm là người có một ít thành đạt trong sự nghiệp đều là những người nghe lời cha mẹ, không quên công ơn dưỡng dục của cha mẹ. Đó cũng là những người con có hiếu. Còn những người lười biếng, ích kỷ, không coi trọng chữ tín, làm những điều tai ác ngược đạo lý ở đời, ngược với lợi ích của xã hội và nhân dân thì đều là những người không có hiếu.

Hiếu kính cha mẹ là thiên đức làm người, cũng là cơ sở để thành công trong sự nghiệp. Ngày xưa các vua khi tuyển dụng người tài, đầu tiên xem người đó có phải là người con hiếu không. Vì người ta cho rằng, ngay đến cha mẹ là người sinh thành dưỡng dục mình mà mình cũng không có hiếu thì làm sao có thể tận trung với vua được. Cách nói đó rất có lý. Ngày nay không ít người khi kết bạn, tìm người yêu, có những Giám đốc khi tuyển dụng người giúp việc hoặc thư ký cũng đều lấy chữ hiếu làm điều kiện quan trọng. Vì người hiếu kính với cha mẹ phần nhiều trung thành với bạn bè, trung thực trong tình yêu, tận tâm với công việc và với lãnh đạo, tận tình trong chức trách và luôn có tinh thần phấn đấu vươn lên, không gây rối trong tập thể.

Can năm Quý Anh là dụng thần thì cha mẹ song toàn

Can chi năm ngang hòa nhau là cha mẹ yêu nhau nhưng cũng không tránh đôi lúc cãi vã

Trụ năm hoặc trụ tháng Quý Anh gấp 2 quý nhân trở lên

Trụ năm hoặc trụ tháng gấp quý nhân là cha mẹ đẹp và nho nhã, thanh lịch.

Trụ năm Quý Anh gấp thực thần mà không có kiêu thần là cha mẹ người béo và khỏe, tính cách thành thực.

Nhật nguyên Quý Anh sinh trụ năm thì con hiếu kính cha mẹ.

Can năm hoặc chi năm, can tháng hoặc chi tháng là hỉ thần, hoặc dụng thần là được hưởng phúc tổ tiên hoặc được cha mẹ nuông chiều.

Trụ ngày yêu nhưng được ân tinh sinh phù thì được cha mẹ thương yêu.

Một người có thể rất hiếu thuận với cha mẹ nhưng trong Tứ trụ lại khắc cha, khắc mẹ, đó là điều khách quan. Người khắc nhẹ thì không có lợi cho cha mẹ, khắc nặng có thể khắc chết. Như có người khắc cha mẹ từ thời kỳ còn nhỏ đã mất cha mẹ, thậm chí có những em bé mệnh cứng, tính khắc rất mạnh vừa sinh ra mẹ không chết thì cha chết, thậm chí mất cả cha lẫn mẹ trở thành trẻ mồ côi rất đáng thương.

Tứ trụ của một người có thông tin khắc cha mẹ thì dùng biện pháp gì để hóa giải được ? Đây là vấn đề mà mỗi người nên quan tâm. Căn cứ tổng kết các Tứ trụ, phàm những người có con tính khắc mạnh mẽ, nói chung là người ấy có tài, sau khi lớn lên không làm quan to thì cũng là người phú quý giàu sang. Do đó cách giải phải căn cứ vào tính khắc to hay nhỏ mà quyết định. Đối với những người con có tính khắc mạnh thì nên đưa lên chùa để cho những người tu hành nuôi dưỡng. Cũng có người lại nhờ người bố mẹ nuôi. Có người

tù nhở đã phải nhờ các nhà sư làm thầy. Những trẻ em như thế sẽ có lợi cho cha mẹ. Hoặc đối với những trẻ em bị cha mẹ khắc cũng làm như thế thì cha mẹ mới vẹn toàn và cũng không bị mất con. Nếu không dùng cách giải cứu đó thì hoặc cha mẹ không song toàn, hoặc không bảo đảm được con cái. Cho nên xưa nay có không ít những danh nhân hay người giàu ban đầu được lớn lên từ trong chùa, đến khi học được văn võ song toàn sau đó mới ra đời lập nghiệp. Thực tế chứng minh rằng một người trong Tứ trụ có tiêu chí thông tin khắc cha mẹ, nếu sống xa cha mẹ thì có thể tránh được sự xung khắc đó.

### Ngày giáp át gặp vận dàn mão.

Ngày giáp át gặp đại vận lưu niên có dàn mão là chủ về kiếp tài, phá tài, khắc cha mẹ và gặp những việc phải tranh giành nhau.

### Đề cương lệnh tháng bị xung khắc thì gây tổn thất cho cha mẹ và người thân, hoặc bị lì dì.

#### Ngang vai(Tỷ), kiếp tài có thì cha mẹ không thọ.

Thiên tài là cha, quý như châu báu, ngang vai, kiếp tài là anh chị em nhiều. Người nhiều, châu báu ít, anh giànhtôi đoạt không ai nhường ai, cuối cùng vật quý nát vỡ. Đó gọi là giành giật nhau châu báu hỏng, nên gọi là tỉ kiếp khắc cha.

#### Lệnh tháng là Thủy khắc năm mệnh Hỏa

Lệnh tháng khắc năm thực chất là tháng khắc mệnh năm, tức cha mẹ không toàn vẹn được. Qua thực tiễn tổng kết kinh nghiệm thấy: tháng khắc năm rất ít khi mẹ mất mà phần nhiều cha mất.

#### Án bị xung khắc là mẹ hiền nhưng mất sớm.

Án thụ bị khắc là mẹ không chết thì cũng đi xa.

#### Trong Tứ trụ Quý Anh tài nhiều làm tổn thương án

Trong Tứ trụ tài nhiều làm tổn thương án thì tuổi trẻ đã khắc mẹ. Án bị thương nên mẹ mất sớm. Tuổi nhỏ đã mất mẹ chỉ vì trong Tứ trụ tài nhiều làm cho án bị chết.

#### Trụ năm Quý Anh là dụng thần nếu gặp đại vận lưu niên bị thiên khắc địa xung là có tang cha mẹ.

Đến năm tuế vận có can chi mà bị thiên khắc địa xung là có tang cha mẹ.

Có người sản nghiệp ông cha hùng hậu, nhưng Tứ trụ của mình lại thân nhược không thể thắng tài cho nên không thừa kế nổi sản nghiệp của ông cha, thậm chí ngày càng nghèo đi. Cuối cùng sản nghiệp của ông cha bị tan nát vì tay mình, với người như thế không thể nói là có mệnh phú quý cho dù ở trong một gia đình giàu có. Ngược lại, có những đời ông cha nghèo khổ, nhưng tổ hợp sắp xếp Tứ trụ của người đó tốt, chẳng qua vì vận tốt đến thì trở thành phú ông giàu có. Người có mệnh như thế gọi là mệnh phú quý.

#### Trụ năm làm dụng thần thì được hưởng tài sản tổ nghiệp để lại.

Can năm làm dụng thần là tốt, tức là được âm đức của cha ông để lại.

#### Ngày thông với lệnh tháng là nhờ tổ tiên mà yên ổn.

#### Lệnh tháng bị xung khắc thì bại sản tổ nghiệp.

Năm tháng xung nhau thì khó giữ được tổ nghiệp.

#### Án tinh bị thương thì làm hỏng tổ nghiệp, lìa bỏ quê hương.

Thiên quan mà có ché ngự thì không phải là hung, có cơm ăn áo mặc đầy đủ.

#### Án thụ bị thương tổn thì khó giữ được tài sản của ông chà.

Can năm đóng ở tử tuyệt, mộ hoặc bị hình, xung, khắc, là tổ tiên suy bại.

#### Trụ tháng phá tài quan là ông cha nghèo không để gì lại gì, tay trắng dựng cơ đồ.

Tài tinh bị phá là lúc hết ruộng vườn, đi khỏi quê hương.

Trụ năm có thất sát, tì kiếp là ông cha không có một tấc đất, xa rời quê hương.

# Anh Em Huynh Dệ

Tỉ kiép Quý Anh đóng ở lộc hoặc gấp quý nhân là anh chị em giàu có đầy đủ  
Tỉ kiép Quý Anh đóng ở lộc hoặc gấp quý nhân là anh chị em giàu có đầy đủ  
Quý Anh vượng và có ân là anh chị em nhiều.  
Trụ tháng Quý Anh có thương quan là anh em bị thương tổn.  
Lệnh tháng Quý Anh gấp xung là anh em mỗi người một phương.

## Gia Đạo Tình Duyên

Trước khi vào phần bình giải về gia đạo tình duyên thì chúng tôi xin đưa ra những tuổi hợp với Quý Anh về hôn nhân như sau.

Quý Anh Nam tuổi **Kỷ Mùi** hợp với Nữ tuổi **Canh Thân - Tân Dậu - Canh Ngọ** về hôn sự.

Chúng tôi lấy trụ năm của nam nữ tương sinh tương hợp làm chính chứ không đòi hỏi mệnh của nam nữ tương sinh. Nếu trụ năm của hai bên tương sinh tương hợp, mệnh năm lại tương sinh thì tất nhiên càng tốt. Chúng tôi chọn tuổi phối hôn nam nữ là chọn những năm sinh phối hôn tốt nhất, lý tưởng nhất, là lấy theo đề phòng khắc chồng khắc vợ làm mục tiêu chính. Bên cạnh đó những phương pháp phối hôn theo cách cổ đại vẫn có thể dùng được. Nói như thế nghĩa là chọn cách phối hôn theo chúng tôi cũng được hoặc theo cách cổ cũng được, Quý Anh có thể tuỳ ý chọn.

Trụ ngày Quý Anh tương sinh cho nhau là vợ chồng đầm thắm, can sinh chi là chồng yêu vợ, chi sinh can là vợ yêu chồng.

Chúng tôi thấy rằng trụ Ngày **Ất Hợi** là **Thủy** sinh **Mộc**.

Nam gấp thương quan là có kết hôn hai lần, nữ gấp thương quan là có tái giá.

Quý Anh Gặp phải vận thương quan là nam khắc vợ, nữ khắc chồng gặp phải tuế quân bị khắc phải đề phòng vợ chồng đều bị tổn thương.

Quý Anh tháng sinh gặp hàn trì thì vợ chồng đều có ngoại tình.

**Kiếp tài của nam là vợ**

Chi ngày là sao vợ, tháng là cung hôn nhân, ngày là cung phối hôn.

Quý Anh có Kiếp tài đóng ở ngày, chủ về vợ nội trợ tốt, hoặc nhờ vợ mà phát tài.

Chi ngày Quý Anh là dần thân tị hợi thì vợ đôn hậu

Mệnh nam Quý Anh lấy vượng làm phúc.

Quý Anh Vận nam hợp với tài là vợ sớm.

Ở tuổi thanh niên nếu đại vận lưu niên gặp Kiếp Tài thì sẽ kết hôn năm đó.

**Đại vận, lưu niên tam hợp tài là có tin mừng về cưới hỏi.**

Trong chi tàng phục tài là thiên vị vợ lẽ.

Trong Tứ trụ tài làm dụng thần thì vợ hiền đẹp, nội trợ giỏi.

Trong Tứ trụ Quý Anh có thiên tài là yêu vợ lẽ hơn vợ cả.

Quý Anh Người trong Tứ trụ không có kinh dương, hành vận đến lúc gấp kinh dương thì hao tài và khắc vợ con

Quý Anh có Sao thê mất lệnh là ly hôn giữa chừng.

Quý Anh có Trụ ngày không có tài là xa lìa vợ.

## Công Danh Sư Nghiệp

## Tài vận với tú trụ

Một người có cửa hay không, hoặc cửa nhiều hay ít, khi nào thì gặp vận có cửa, tìm nó ở phuong nào, nguồn của nó ra sao, khi nào cầu tài hay đầu tư có lợi, tất cả những điều này liên quan ít nhiều đến phát tài, đều được tàng chứa trong Tú trụ giờ sinh tháng đẻ của mỗi người. Do đó bất kể là đơn vị quốc doanh hay cá nhân, nếu không biết được các thông tin về tài vận, không nắm được thời cơ tài vận mà mở doanh nghiệp một cách mù quáng thì nhất định khó tránh khỏi được hao tài tổn của.

Cũng có người nhìn thấy người khác làm ăn nên nỗi, tự mình đã qua nên không thể nào phát tài được nữa. Người xưa có câu : "Có cửa không bằng sắp phát tài, sắp phát tài không bằng biết giữ của lại". Cho nên muốn biết được các thông tin về tài vận, phải hướng đến điều may, tránh xa cái bất lợi, trước phải dự đoán sau mới hành động. Như thế mới gọi là "tự mình nắm vững vận mệnh của mình". Đối với từng người là thế , đối với các xí nghiệp nhà nước lại càng cần phải thế.

Tài nên tàng ẩn, tàng thì phong phú hùng hậu, Quý Anh có tài tàng ẩn

Quý Anh có Tài, Tài là thê tinh, có tài thì có vợ, ngược lại thì khó khăn.

Quý Anh có Tài, Tài là nguyên thần của quan tinh, không có cửa thì khó mà quyền quý.

Trong tru Quý Anh có thiên tài nhập tạp khí là người phát tài rất lớn.

Quý Anh Có tài gặp sát, người tuổi dần, ngọ, tuất gặp tân sủu, người tị, dậu, sủu gặp ất mùi, người thân, tỵ, thìn gặp bính tuất ; người hợi, mão, mùi gặp mậu thìn, như thế gọi là thê tài tụ hội. Người gặp như thế sẽ giàu, nhưng phải đề phòng vợ làm hại.

Quý Anh Ân thụ thông suốt, gặp phát tài thì phát, gặp quan thì vinh hiển.

Quý Anh có Thương quan gặp kiếp thì sẽ gặp cửa.

Quý Anh Thân vượng có thể thành gia lập nghiệp

Thương quan bị thương tổn khi hết thương tổn, trở lại sinh tài thì chau báu tự nhiên mà đến.

Quý Anh có Thực thần gặp ẩn là tiền của ngày một nhiều.

Thất sát có chế ngự là người đại quý.

Tài của địa chi phục ám sinh thì nhờ đó dần dần giàu có.

Quý Anh có Ân nhiều hành đến tài vận sẽ phát phúc.

Trụ ngày Quý Anh là giáp ất, đến vận mà gặp dần mão thì kiếp tài phá tài.

Thiên tài sợ hành vận có tỷ kiếp, vì gặp vận đó sẽ phá tài, bại tài.

Tài nên tàng ẩn, không nên để lộ, lộ thì dễ bị tranh giành.

Quý Anh có 1 Tài ẩn

Quý Anh Thân vượng đến đại vận lưu niên gặp tỷ kiếp thì năm đó phá tài bại nghiệp.

Ví dụ đến đại vận(10 năm) và lưu niên(1 năm) có cả tỷ và kiếp.

Tú trụ Quý Anh không có tài để giữ cho mình khi ra ngoài cầu tài cần phải cẩn thận.

Quý Anh có Thương quan đến đại vận và lưu niên nếu gặp Quan là năm đó tai họa liên miên.

## Quan Vận

Thiên Quan Quý Anh có chế phục lại được sinh, uy trấn biên cương (Có Thực chế, có Tài sinh).

Thất Sát Quý Anh có chế ngự, hưởng lộc phong hậu.

Quý Anh có Thương Quan gặp Tài, quan cao mà tiền tài cũng khá.

Quý Anh Vào ra nơi quyền quý, trên đầu quý nhân phải là Quan tinh ( Trụ tháng có Thiên Át quý nhân).

Quý Anh có Thương Quan đới Ân, nhậm chức chinh đốn kỷ cương trong triều.

Quý Anh có Thương Quan đới Ân, nhậm chức chinh đốn kỷ cương trong triều.

Thiên Quan Quý Anh bị chế phục thái quá, là nhà Nho nghèo, thời nay là nhà giáo.

Ân Quý Anh bị phá Tài bị thương, đừng ham tìm kiếm công danh.

Quý Anh Nhật yếu Thực Thương lại nhiều, sợ học.

Quý Anh có Thương Quan đới Ân, có đảm thức thao lược, thành công vượt quá sức tưởng tượng của mọi người.

Quý Anh có Thương Quan đới Ân, có đảm thức thao lược, thành công vượt quá sức tưởng tượng của mọi người.

## Nghề Nghiệp

---

Quý Anh có Thực Thương phát tiết, hợp với những nghề văn chương, thư họa, giảng dạy, nghệ thuật.

Quý Anh có Sát Ân tương sinh, hợp theo nghề quân sự hoặc bác sĩ ngoại khoa, hoặc nhân viên cao cấp của xí nghiệp.

Quý Anh có Thực Thương sinh Tài, nên học thương nghiệp, tiền tệ, tài chính, mậu dịch hoặc ngành nghề kinh doanh mang tính kỹ thuật.

Quý Anh có Sát Ân tương sinh, hợp nghề võ, như quân sự, cảnh sát.

Nhật chủ quá yếu, hợp mấy nghề kỹ xảo, nhất nghệ tinh nhất thân vinh.

Quý Anh có Tài chế Thiên Ân, sẽ thành công trong ngành nghề thực nghiệp (sản xuất).

Quý Anh có Thực Thần sinh Tài, lợi kinh doanh dược phẩm, ăn uống, bánh trái, thức ăn gia súc, chăn nuôi gia cầm...

Quý Anh có Thiên Tài gặp Thương Quan, theo nghề có tính thách thức, mạo hiểm, đầu cơ như mậu dịch, gia công, nghiệp vụ, marketing...

### Tú trụ hỷ dụng thần Quý Anh là Hỏa

Tú trụ hỷ dụng thần Quý Anh là **Hỏa**, nên theo nghề nghiệp có liên quan tới hỏa, như nhà máy, lò gạch, phát sáng, dầu, xi măng, ăn uống nóng, thực phẩm, quân giới, bách hóa, phát điện, diễn thuyết, chính trị, tôn giáo. Lợi Đông Nam, không lợi Tây Bắc.

### Tú trụ hỷ dụng thần Quý Anh là Thổ

Tú trụ hỷ dụng thần Quý Anh là **Thổ**, nên theo nghề nghiệp có liên quan tới thổ, như cố định thực nghiệp, khoáng mỏ, nông nghiệp thu hoạch, người trung giới, giới thiệu, luật sư, quan tòa, quản lý, cố vấn, thư ký, nhà đất bất động sản, kiến trúc, thiết kế... Lợi Trung Nam, bất lợi Đông Bắc.

## Con Cái

---

Trẻ em sau khi sinh nói chung can ngày nên có khí, lệnh tháng sinh phù, trụ năm phải tốt, ân tinh không bị thương tổn, tài quan có chế ngự, thất sát được hóa giải, thương quan có hợp khí trung hoà, không gặp hình xung khắc hại, thì em bé đó dễ nuôi và sống lâu.

Xem con cái nhiều hay ít chủ yếu phải xem sự vượng suy của trụ giờ và phải xem trong Tú trụ tử tinh (thực thần, thương quan) có bị khắc không. Người mà sinh tử tinh suy, tử tuyệt lại còn bị khắc hại tất sẽ không có con cái. Nếu sinh ngày canh, giờ ngọ, canh lύ át mộc làm vợ, át mộc sinh hoả khắc canh kim, giờ ngọ hoả ở

vượng địa, là lộc của đinh hỏa cho nên sinh con cái nhiều mà phú quý. Nếu sinh vào các giờ tuất, hợi, tý là đất hỏa tuyệt thì con cái ít hoặc đứa con sinh ra cô độc, nghèo hèn, hoặc về sau trở thành tăng đạo.

Quý Anh có Thực nhiều là sữa nhiều hoặc sẽ gửi con nuôi nhà khác.

Quý Anh có Thương quan đến vận gặp tài là có con.

Trụ giờ Quý Anh được trụ ngày phù trợ là người tuổi cao vẫn còn có con.

Dụng thần ở trụ giờ là con cái giúp đỡ được cha mẹ.

Can giờ Quý Anh suy là sinh con gái.

Phàm trẻ em sinh vào ngày, giờ giáp ất, thì mặt có ấn đường rộng, mắt có thần, nhân trung dài, lông mày đẹp.

Người sinh vào ngày giờ bính, đinh thì mắt to, râu dài, trán hẹp, tuổi trẻ nhiều bệnh hoạn.

Người sinh vào các giờ thìn, tuất, sửu, mùi thì lúc sinh ra nằm sấp.

Cha có thất sát là sinh con trai, quan tinh là sinh con gái. Mẹ có thất sát là sinh con gái, quan tinh là sinh con trai.

Cha có thương quan là sinh con gái, thực thần là sinh con trai. Mẹ có thương quan là sinh con trai, thực thần là sinh con gái.

Quý Anh có Can ngày và can giờ tương sinh cho nhau, nên sinh lần đầu là con gái.

Trụ giờ Quý Anh có thương quan là hào con cái khó khăn.

Cung con cái Quý Anh ở hữu, tù, tử, tuyệt, bệnh là có con cũng như không.

Trong trụ cung con cái Quý Anh gặp mộ thì con cái không bệnh tật nhiều cũng bị lao ngục, hoặc tàn phế khó nuôi.

Thương quan làm hại con cái, không có phúc về sau.

Giờ sinh Quý Anh ở thìn, tuất, sửu mùi phần nhiều là con nuôi.

Trụ giờ Quý Anh gặp thương quan thì có con nhưng học hành dốt nát.

Quý Anh Trụ giờ gặp kình dương hoặc thương quan là làm tổn hại con cái.

Trong Tứ trụ Quý Anh có thương quan là vợ nhiều nhưng con ít.

Về dự đoán đứa con chúng tôi chú trọng nghiên cứu lần sinh thứ nhất là con trai hay con gái và như thế nào thì sinh con trai, thế nào là sinh con gái. Còn những mặt khác chỉ nghiên cứu chung chung.

## Sức Khỏe & Bệnh Tật

Quý Anh Sinh mùa đông, mạng không có hỏa, chi dưới bị hàn lạnh.

Quý Anh Kiêu đoạt Thực nên thường có bệnh.

Quý Anh Nhật yếu, Thực Thương nhiều, hay bị váng đầu.

Quý Anh có Thương quan bị chế phục thái quá, đè phòng mắt đau, chân đau.

Mộc hỏa tương sinh mà lại quá vượng, thường cảm thấy tỳ vị căng đầy, sức ăn vẫn bình thường nhưng hổ ăn vô liền thấy no hoặc bị đè ép, ợ hơi, buồn nôn.

Thủy mộc tương sinh mà quá vượng, nên chú ý tỳ vị hư, buồn nôn, hôi miệng, ợ hơi, kém ăn, thân thể suy nhược, mạch trầm yếu, phần bụng mềm yếu vô lực, mặt thiếu huyết sắc.

Thổ hư mộc vượng, nhất định tỳ vị bị tổn thương.

Hỏa bị thủy khắc, mắt mờ.

Hỏa thủ làm khô héo Quí thủy, bệnh về mắt.

Án là hỏa thủ, nhiệt làm sinh đờm, tháo làm mìn mẩy bị ngứa.

# Hướng Dẫn Xem

## Hướng Dẫn Cách Xem Vòng Trường Sinh

Trong lá số túc trụ sau mỗi Can Chi (can là giáp ất bính đinh..., chi là túi sủu dần mão...) hay sau Thập Thần thì chúng ta đều thấy những tên trong vòng trường sinh xuất hiện như Đế Vượng, Lâm Quan, Quan Đới... Suy, Bệnh, Tử... Những tên trong vòng trường sinh đó cho ta biết sự mạnh yếu đối với cặp Can Chi đó hay sự mạnh yếu của 10 thần như; Tài, Quan, Án, Tỷ, Kiếp...

Sự mạnh yếu đôi khi có lợi và đôi khi có hại cho ta, ví dụ như gặp hung tinh tức cái khắc ta, nếu hung tinh đó yếu thì sự ảnh hưởng của nó sẽ nhỏ đi, còn đối với phúc tài tinh nếu mạnh thì sẽ phù trợ ta tốt hơn. Riêng Mộ còn gọi là Kho, Tài mà có kho tức có nơi giữ tài, rất tốt.

Tóm lại vòng trường sinh cho ta biết sự mạnh yếu của từng sao, để biết sự mạnh yếu đến đâu thì Quý Anh hãy nhìn bản điểm.

| Vòng Trường Sinh | Thai | Dưỡng | Trường Sinh | Mộc Dục | Quan Đới | Lâm Quan | Đế Vượng | Suy | Bệnh | Tử | Mộ | Tuyệt |
|------------------|------|-------|-------------|---------|----------|----------|----------|-----|------|----|----|-------|
| Điểm             | 4.1  | 4.1   | 6           | 7       | 8        | 9        | 10       | 5.1 | 4.8  | 3  | 3  | 3.1   |

## Hướng Dẫn Cách Xem Thập Thần

Thập thần còn được gọi là 10 thần, 10 thần này gồm có: Thương (Thương Quan), Thực (Thực Thần), Tài (Chánh Tài), T.Tài (Phiến Tài, Thiên Tài), Quan (Chánh Quan), Sát (Thất Sát), Án (Chánh Án), Kiêu (Phiến Án, Thiên Án), Kiếp (Kiếp Tài), Tỷ (kiên).

10 thần này đại diện cho tất cả những thứ chung quanh ta như: Ông bà, cha mẹ, cấp trên xếp, anh chị, bạn bè, vợ chồng, chính ta, con cái, tiền tài, sự nghiệp... Dựa vào sự xuất hiện của 10 thần trên lá số và kết hợp sự mạnh yếu của vòng trường sinh sẽ cho ta biết sự mạnh yếu của từng thần mà giải đoán lá số.

Quý Anh hãy xem hình minh họa phía dưới, những ô mà chúng tôi đóng khung đỏ bao gồm các Thần và vòng trường sinh, đó là những thứ liên quan với nhau về sự mạnh yếu, để biết mạnh yếu thì nhìn vòng trường sinh.

Nhìn vào hình minh họa chúng ta sẽ thấy các ô chữ nhật dài màu đỏ đầu tiên là những "lộ" thần, còn gọi là thần của Thiên Can, đây là những thần chính của túc trụ, tượng trưng những thứ bộc lộ ra bên ngoài, đến ô chữ nhật dài thứ hai là can chi của từng trụ và Quý Anh có thể nhìn vòng trường sinh mà biết sơ về sự mạnh yếu của trụ đó, và để biết sự mạnh yếu của từng trụ phải phối hợp nhiều thành phần như sự xung khắc can chi ngũ hành giữ các trụ, sự bố cục các sao của trụ..., nếu Quý Anh chưa biết gì về túc trụ thì nên hiểu như vậy cho đỡ rối. Những (3) ô hình vuông xếp hàng dọc phía dưới là những thần tàng ẩn, còn gọi là thần của địa Chi, những thần này cho biết những sự việc tàng ẩn bên trong. Ví dụ ở thần lộ phía trên mà có Tài thì cho biết người đó hào phóng sang trọng(lộ ra ngoài), còn nếu có Tài ẩn và có kho(mộ) như ở trụ năm cột thứ ba thì cho biết người này có tiền của(ẩn), bề ngoài thấy không sang trọng nhưng là người (sẽ) có tiền, và đôi khi kho chưa mở thì họ cũng không có tiền vì chưa gặp vận xung kho(phá mở kho).

| Trụ Năm 1980   | Trụ Tháng 04 | Trụ Ngày 16  | Trụ Giờ 17:17  |      |     |     |    |       |       |      |      |        |        |      |       |       |       |      |      |    |        |        |     |       |       |     |     |       |       |      |       |       |       |       |    |  |     |     |  |     |     |  |       |       |  |       |       |  |  |      |     |     |    |       |       |      |      |      |     |      |      |       |       |     |    |    |      |      |     |    |     |     |      |       |       |    |       |       |   |   |       |       |      |      |     |     |     |      |      |    |    |  |
|--|--------------|--|--|------|-----|-----|----|-------|-------|------|------|--------|--------|------|-------|-------|-------|------|------|----|--------|--------|-----|-------|-------|-----|-----|-------|-------|------|-------|-------|-------|-------|----|--|-----|-----|--|-----|-----|--|-------|-------|--|-------|-------|--|--|------|-----|-----|----|-------|-------|------|------|------|-----|------|------|-------|-------|-----|----|----|------|------|-----|----|-----|-----|------|-------|-------|----|-------|-------|---|---|-------|-------|------|------|-----|-----|-----|------|------|----|----|--|
| <table border="1"><tr><td>Thương</td><td>Dưỡng</td><td><table border="1"><tr><td>Thần</td><td>Tỷ</td><td>Suy</td></tr><tr><td>KÝ</td><td>Át</td><td>Q.Đới</td></tr><tr><td>CANH</td><td>Sát</td><td>Đinh</td></tr><tr><td>Thương</td><td>Quý</td><td>Kiêu</td></tr><tr><td>Dưỡng</td><td>T.Tài</td><td>Suy</td></tr><tr><td>Canh</td><td>Át</td><td></td></tr><tr><td>Thương</td><td>Sát</td><td></td></tr><tr><td>Dưỡng</td><td>Quý</td><td></td></tr><tr><td>Mậu</td><td>T.Tài</td><td></td></tr><tr><td>Kiếp</td><td>Dưỡng</td><td></td></tr><tr><td>Q.Đới</td><td>Át</td><td></td></tr><tr><td></td><td>Sát</td><td></td></tr><tr><td></td><td>Quý</td><td></td></tr><tr><td></td><td>T.Tài</td><td></td></tr><tr><td></td><td>Dưỡng</td><td></td></tr></table></td><td><table border="1"><tr><td>Thần</td><td>Tỷ</td><td>Suy</td></tr><tr><td>KÝ</td><td>Át</td><td>Q.Đới</td></tr><tr><td>Thần</td><td>Sát</td><td>Đinh</td></tr><tr><td>KÝ</td><td>Quý</td><td>Kiêu</td></tr><tr><td>Thần</td><td>T.Tài</td><td>Suy</td></tr><tr><td>KÝ</td><td>Át</td><td></td></tr><tr><td>Thần</td><td>Sát</td><td></td></tr><tr><td>KÝ</td><td>Quý</td><td></td></tr><tr><td>Thần</td><td>T.Tài</td><td></td></tr><tr><td>KÝ</td><td>Dưỡng</td><td></td></tr></table></td><td><table border="1"><tr><td>T.Tài</td><td>Dưỡng</td></tr><tr><td>QUÝ</td><td>Bệnh</td></tr><tr><td>DẬU</td><td></td></tr><tr><td>Tân</td><td></td></tr><tr><td>Thực</td><td></td></tr><tr><td>Mộ</td><td></td></tr></table></td></tr></table> | Thương       | Dưỡng  | <table border="1"><tr><td>Thần</td><td>Tỷ</td><td>Suy</td></tr><tr><td>KÝ</td><td>Át</td><td>Q.Đới</td></tr><tr><td>CANH</td><td>Sát</td><td>Đinh</td></tr><tr><td>Thương</td><td>Quý</td><td>Kiêu</td></tr><tr><td>Dưỡng</td><td>T.Tài</td><td>Suy</td></tr><tr><td>Canh</td><td>Át</td><td></td></tr><tr><td>Thương</td><td>Sát</td><td></td></tr><tr><td>Dưỡng</td><td>Quý</td><td></td></tr><tr><td>Mậu</td><td>T.Tài</td><td></td></tr><tr><td>Kiếp</td><td>Dưỡng</td><td></td></tr><tr><td>Q.Đới</td><td>Át</td><td></td></tr><tr><td></td><td>Sát</td><td></td></tr><tr><td></td><td>Quý</td><td></td></tr><tr><td></td><td>T.Tài</td><td></td></tr><tr><td></td><td>Dưỡng</td><td></td></tr></table> | Thần | Tỷ  | Suy | KÝ | Át    | Q.Đới | CANH | Sát  | Đinh   | Thương | Quý  | Kiêu  | Dưỡng | T.Tài | Suy  | Canh | Át |        | Thương | Sát |       | Dưỡng | Quý |     | Mậu   | T.Tài |      | Kiếp  | Dưỡng |       | Q.Đới | Át |  |     | Sát |  |     | Quý |  |       | T.Tài |  |       | Dưỡng |  | <table border="1"><tr><td>Thần</td><td>Tỷ</td><td>Suy</td></tr><tr><td>KÝ</td><td>Át</td><td>Q.Đới</td></tr><tr><td>Thần</td><td>Sát</td><td>Đinh</td></tr><tr><td>KÝ</td><td>Quý</td><td>Kiêu</td></tr><tr><td>Thần</td><td>T.Tài</td><td>Suy</td></tr><tr><td>KÝ</td><td>Át</td><td></td></tr><tr><td>Thần</td><td>Sát</td><td></td></tr><tr><td>KÝ</td><td>Quý</td><td></td></tr><tr><td>Thần</td><td>T.Tài</td><td></td></tr><tr><td>KÝ</td><td>Dưỡng</td><td></td></tr></table> | Thần | Tỷ  | Suy | KÝ | Át    | Q.Đới | Thần | Sát  | Đinh | KÝ  | Quý  | Kiêu | Thần  | T.Tài | Suy | KÝ | Át |      | Thần | Sát |    | KÝ  | Quý |      | Thần  | T.Tài |    | KÝ    | Dưỡng |   | <table border="1"><tr><td>T.Tài</td><td>Dưỡng</td></tr><tr><td>QUÝ</td><td>Bệnh</td></tr><tr><td>DẬU</td><td></td></tr><tr><td>Tân</td><td></td></tr><tr><td>Thực</td><td></td></tr><tr><td>Mộ</td><td></td></tr></table> | T.Tài | Dưỡng | QUÝ  | Bệnh | DẬU |     | Tân |      | Thực |    | Mộ |  |
| Thương   | Dưỡng        | <table border="1"><tr><td>Thần</td><td>Tỷ</td><td>Suy</td></tr><tr><td>KÝ</td><td>Át</td><td>Q.Đới</td></tr><tr><td>CANH</td><td>Sát</td><td>Đinh</td></tr><tr><td>Thương</td><td>Quý</td><td>Kiêu</td></tr><tr><td>Dưỡng</td><td>T.Tài</td><td>Suy</td></tr><tr><td>Canh</td><td>Át</td><td></td></tr><tr><td>Thương</td><td>Sát</td><td></td></tr><tr><td>Dưỡng</td><td>Quý</td><td></td></tr><tr><td>Mậu</td><td>T.Tài</td><td></td></tr><tr><td>Kiếp</td><td>Dưỡng</td><td></td></tr><tr><td>Q.Đới</td><td>Át</td><td></td></tr><tr><td></td><td>Sát</td><td></td></tr><tr><td></td><td>Quý</td><td></td></tr><tr><td></td><td>T.Tài</td><td></td></tr><tr><td></td><td>Dưỡng</td><td></td></tr></table> | Thần   | Tỷ   | Suy | KÝ  | Át | Q.Đới | CANH  | Sát  | Đinh | Thương | Quý    | Kiêu | Dưỡng | T.Tài | Suy   | Canh | Át   |    | Thương | Sát    |     | Dưỡng | Quý   |     | Mậu | T.Tài |       | Kiếp | Dưỡng |       | Q.Đới | Át    |    |  | Sát |     |  | Quý |     |  | T.Tài |       |  | Dưỡng |       | <table border="1"><tr><td>Thần</td><td>Tỷ</td><td>Suy</td></tr><tr><td>KÝ</td><td>Át</td><td>Q.Đới</td></tr><tr><td>Thần</td><td>Sát</td><td>Đinh</td></tr><tr><td>KÝ</td><td>Quý</td><td>Kiêu</td></tr><tr><td>Thần</td><td>T.Tài</td><td>Suy</td></tr><tr><td>KÝ</td><td>Át</td><td></td></tr><tr><td>Thần</td><td>Sát</td><td></td></tr><tr><td>KÝ</td><td>Quý</td><td></td></tr><tr><td>Thần</td><td>T.Tài</td><td></td></tr><tr><td>KÝ</td><td>Dưỡng</td><td></td></tr></table> | Thần   | Tỷ   | Suy | KÝ  | Át | Q.Đới | Thần  | Sát  | Đinh | KÝ   | Quý | Kiêu | Thần | T.Tài | Suy   | KÝ  | Át |    | Thần | Sát  |     | KÝ | Quý |     | Thần | T.Tài |       | KÝ | Dưỡng |       | <table border="1"><tr><td>T.Tài</td><td>Dưỡng</td></tr><tr><td>QUÝ</td><td>Bệnh</td></tr><tr><td>DẬU</td><td></td></tr><tr><td>Tân</td><td></td></tr><tr><td>Thực</td><td></td></tr><tr><td>Mộ</td><td></td></tr></table> | T.Tài   | Dưỡng | QUÝ   | Bệnh | DẬU  |     | Tân |     | Thực |      | Mộ |    |  |
| Thần   | Tỷ           | Suy  |  |      |     |     |    |       |       |      |      |        |        |      |       |       |       |      |      |    |        |        |     |       |       |     |     |       |       |      |       |       |       |       |    |  |     |     |  |     |     |  |       |       |  |       |       |  |  |      |     |     |    |       |       |      |      |      |     |      |      |       |       |     |    |    |      |      |     |    |     |     |      |       |       |    |       |       |   |   |       |       |      |      |     |     |     |      |      |    |    |  |
| KÝ   | Át           | Q.Đới  |  |      |     |     |    |       |       |      |      |        |        |      |       |       |       |      |      |    |        |        |     |       |       |     |     |       |       |      |       |       |       |       |    |  |     |     |  |     |     |  |       |       |  |       |       |  |  |      |     |     |    |       |       |      |      |      |     |      |      |       |       |     |    |    |      |      |     |    |     |     |      |       |       |    |       |       |   |   |       |       |      |      |     |     |     |      |      |    |    |  |
| CANH   | Sát          | Đinh   |  |      |     |     |    |       |       |      |      |        |        |      |       |       |       |      |      |    |        |        |     |       |       |     |     |       |       |      |       |       |       |       |    |  |     |     |  |     |     |  |       |       |  |       |       |  |  |      |     |     |    |       |       |      |      |      |     |      |      |       |       |     |    |    |      |      |     |    |     |     |      |       |       |    |       |       |   |   |       |       |      |      |     |     |     |      |      |    |    |  |
| Thương   | Quý          | Kiêu   |  |      |     |     |    |       |       |      |      |        |        |      |       |       |       |      |      |    |        |        |     |       |       |     |     |       |       |      |       |       |       |       |    |  |     |     |  |     |     |  |       |       |  |       |       |  |  |      |     |     |    |       |       |      |      |      |     |      |      |       |       |     |    |    |      |      |     |    |     |     |      |       |       |    |       |       |   |   |       |       |      |      |     |     |     |      |      |    |    |  |
| Dưỡng  | T.Tài        | Suy  |  |      |     |     |    |       |       |      |      |        |        |      |       |       |       |      |      |    |        |        |     |       |       |     |     |       |       |      |       |       |       |       |    |  |     |     |  |     |     |  |       |       |  |       |       |  |  |      |     |     |    |       |       |      |      |      |     |      |      |       |       |     |    |    |      |      |     |    |     |     |      |       |       |    |       |       |   |   |       |       |      |      |     |     |     |      |      |    |    |  |
| Canh   | Át           |  |  |      |     |     |    |       |       |      |      |        |        |      |       |       |       |      |      |    |        |        |     |       |       |     |     |       |       |      |       |       |       |       |    |  |     |     |  |     |     |  |       |       |  |       |       |  |  |      |     |     |    |       |       |      |      |      |     |      |      |       |       |     |    |    |      |      |     |    |     |     |      |       |       |    |       |       |   |   |       |       |      |      |     |     |     |      |      |    |    |  |
| Thương   | Sát          |  |  |      |     |     |    |       |       |      |      |        |        |      |       |       |       |      |      |    |        |        |     |       |       |     |     |       |       |      |       |       |       |       |    |  |     |     |  |     |     |  |       |       |  |       |       |  |  |      |     |     |    |       |       |      |      |      |     |      |      |       |       |     |    |    |      |      |     |    |     |     |      |       |       |    |       |       |   |   |       |       |      |      |     |     |     |      |      |    |    |  |
| Dưỡng  | Quý          |  |  |      |     |     |    |       |       |      |      |        |        |      |       |       |       |      |      |    |        |        |     |       |       |     |     |       |       |      |       |       |       |       |    |  |     |     |  |     |     |  |       |       |  |       |       |  |  |      |     |     |    |       |       |      |      |      |     |      |      |       |       |     |    |    |      |      |     |    |     |     |      |       |       |    |       |       |   |   |       |       |      |      |     |     |     |      |      |    |    |  |
| Mậu  | T.Tài        |  |  |      |     |     |    |       |       |      |      |        |        |      |       |       |       |      |      |    |        |        |     |       |       |     |     |       |       |      |       |       |       |       |    |  |     |     |  |     |     |  |       |       |  |       |       |  |  |      |     |     |    |       |       |      |      |      |     |      |      |       |       |     |    |    |      |      |     |    |     |     |      |       |       |    |       |       |   |   |       |       |      |      |     |     |     |      |      |    |    |  |
| Kiếp   | Dưỡng        |  |  |      |     |     |    |       |       |      |      |        |        |      |       |       |       |      |      |    |        |        |     |       |       |     |     |       |       |      |       |       |       |       |    |  |     |     |  |     |     |  |       |       |  |       |       |  |  |      |     |     |    |       |       |      |      |      |     |      |      |       |       |     |    |    |      |      |     |    |     |     |      |       |       |    |       |       |   |   |       |       |      |      |     |     |     |      |      |    |    |  |
| Q.Đới  | Át           |  |  |      |     |     |    |       |       |      |      |        |        |      |       |       |       |      |      |    |        |        |     |       |       |     |     |       |       |      |       |       |       |       |    |  |     |     |  |     |     |  |       |       |  |       |       |  |  |      |     |     |    |       |       |      |      |      |     |      |      |       |       |     |    |    |      |      |     |    |     |     |      |       |       |    |       |       |   |   |       |       |      |      |     |     |     |      |      |    |    |  |
|  | Sát          |  |  |      |     |     |    |       |       |      |      |        |        |      |       |       |       |      |      |    |        |        |     |       |       |     |     |       |       |      |       |       |       |       |    |  |     |     |  |     |     |  |       |       |  |       |       |  |  |      |     |     |    |       |       |      |      |      |     |      |      |       |       |     |    |    |      |      |     |    |     |     |      |       |       |    |       |       |   |   |       |       |      |      |     |     |     |      |      |    |    |  |
|  | Quý          |  |  |      |     |     |    |       |       |      |      |        |        |      |       |       |       |      |      |    |        |        |     |       |       |     |     |       |       |      |       |       |       |       |    |  |     |     |  |     |     |  |       |       |  |       |       |  |  |      |     |     |    |       |       |      |      |      |     |      |      |       |       |     |    |    |      |      |     |    |     |     |      |       |       |    |       |       |   |   |       |       |      |      |     |     |     |      |      |    |    |  |
|  | T.Tài        |  |  |      |     |     |    |       |       |      |      |        |        |      |       |       |       |      |      |    |        |        |     |       |       |     |     |       |       |      |       |       |       |       |    |  |     |     |  |     |     |  |       |       |  |       |       |  |  |      |     |     |    |       |       |      |      |      |     |      |      |       |       |     |    |    |      |      |     |    |     |     |      |       |       |    |       |       |   |   |       |       |      |      |     |     |     |      |      |    |    |  |
|  | Dưỡng        |  |  |      |     |     |    |       |       |      |      |        |        |      |       |       |       |      |      |    |        |        |     |       |       |     |     |       |       |      |       |       |       |       |    |  |     |     |  |     |     |  |       |       |  |       |       |  |  |      |     |     |    |       |       |      |      |      |     |      |      |       |       |     |    |    |      |      |     |    |     |     |      |       |       |    |       |       |   |   |       |       |      |      |     |     |     |      |      |    |    |  |
| Thần   | Tỷ           | Suy  |  |      |     |     |    |       |       |      |      |        |        |      |       |       |       |      |      |    |        |        |     |       |       |     |     |       |       |      |       |       |       |       |    |  |     |     |  |     |     |  |       |       |  |       |       |  |  |      |     |     |    |       |       |      |      |      |     |      |      |       |       |     |    |    |      |      |     |    |     |     |      |       |       |    |       |       |   |   |       |       |      |      |     |     |     |      |      |    |    |  |
| KÝ   | Át           | Q.Đới  |  |      |     |     |    |       |       |      |      |        |        |      |       |       |       |      |      |    |        |        |     |       |       |     |     |       |       |      |       |       |       |       |    |  |     |     |  |     |     |  |       |       |  |       |       |  |  |      |     |     |    |       |       |      |      |      |     |      |      |       |       |     |    |    |      |      |     |    |     |     |      |       |       |    |       |       |   |   |       |       |      |      |     |     |     |      |      |    |    |  |
| Thần   | Sát          | Đinh   |  |      |     |     |    |       |       |      |      |        |        |      |       |       |       |      |      |    |        |        |     |       |       |     |     |       |       |      |       |       |       |       |    |  |     |     |  |     |     |  |       |       |  |       |       |  |  |      |     |     |    |       |       |      |      |      |     |      |      |       |       |     |    |    |      |      |     |    |     |     |      |       |       |    |       |       |   |   |       |       |      |      |     |     |     |      |      |    |    |  |
| KÝ   | Quý          | Kiêu   |  |      |     |     |    |       |       |      |      |        |        |      |       |       |       |      |      |    |        |        |     |       |       |     |     |       |       |      |       |       |       |       |    |  |     |     |  |     |     |  |       |       |  |       |       |  |  |      |     |     |    |       |       |      |      |      |     |      |      |       |       |     |    |    |      |      |     |    |     |     |      |       |       |    |       |       |   |   |       |       |      |      |     |     |     |      |      |    |    |  |
| Thần   | T.Tài        | Suy  |  |      |     |     |    |       |       |      |      |        |        |      |       |       |       |      |      |    |        |        |     |       |       |     |     |       |       |      |       |       |       |       |    |  |     |     |  |     |     |  |       |       |  |       |       |  |  |      |     |     |    |       |       |      |      |      |     |      |      |       |       |     |    |    |      |      |     |    |     |     |      |       |       |    |       |       |   |   |       |       |      |      |     |     |     |      |      |    |    |  |
| KÝ   | Át           |  |  |      |     |     |    |       |       |      |      |        |        |      |       |       |       |      |      |    |        |        |     |       |       |     |     |       |       |      |       |       |       |       |    |  |     |     |  |     |     |  |       |       |  |       |       |  |  |      |     |     |    |       |       |      |      |      |     |      |      |       |       |     |    |    |      |      |     |    |     |     |      |       |       |    |       |       |   |   |       |       |      |      |     |     |     |      |      |    |    |  |
| Thần   | Sát          |  |  |      |     |     |    |       |       |      |      |        |        |      |       |       |       |      |      |    |        |        |     |       |       |     |     |       |       |      |       |       |       |       |    |  |     |     |  |     |     |  |       |       |  |       |       |  |  |      |     |     |    |       |       |      |      |      |     |      |      |       |       |     |    |    |      |      |     |    |     |     |      |       |       |    |       |       |   |   |       |       |      |      |     |     |     |      |      |    |    |  |
| KÝ   | Quý          |  |  |      |     |     |    |       |       |      |      |        |        |      |       |       |       |      |      |    |        |        |     |       |       |     |     |       |       |      |       |       |       |       |    |  |     |     |  |     |     |  |       |       |  |       |       |  |  |      |     |     |    |       |       |      |      |      |     |      |      |       |       |     |    |    |      |      |     |    |     |     |      |       |       |    |       |       |   |   |       |       |      |      |     |     |     |      |      |    |    |  |
| Thần   | T.Tài        |  |  |      |     |     |    |       |       |      |      |        |        |      |       |       |       |      |      |    |        |        |     |       |       |     |     |       |       |      |       |       |       |       |    |  |     |     |  |     |     |  |       |       |  |       |       |  |  |      |     |     |    |       |       |      |      |      |     |      |      |       |       |     |    |    |      |      |     |    |     |     |      |       |       |    |       |       |   |   |       |       |      |      |     |     |     |      |      |    |    |  |
| KÝ   | Dưỡng        |  |  |      |     |     |    |       |       |      |      |        |        |      |       |       |       |      |      |    |        |        |     |       |       |     |     |       |       |      |       |       |       |       |    |  |     |     |  |     |     |  |       |       |  |       |       |  |  |      |     |     |    |       |       |      |      |      |     |      |      |       |       |     |    |    |      |      |     |    |     |     |      |       |       |    |       |       |   |   |       |       |      |      |     |     |     |      |      |    |    |  |
| T.Tài  | Dưỡng        |  |  |      |     |     |    |       |       |      |      |        |        |      |       |       |       |      |      |    |        |        |     |       |       |     |     |       |       |      |       |       |       |       |    |  |     |     |  |     |     |  |       |       |  |       |       |  |  |      |     |     |    |       |       |      |      |      |     |      |      |       |       |     |    |    |      |      |     |    |     |     |      |       |       |    |       |       |   |   |       |       |      |      |     |     |     |      |      |    |    |  |
| QUÝ  | Bệnh         |  |  |      |     |     |    |       |       |      |      |        |        |      |       |       |       |      |      |    |        |        |     |       |       |     |     |       |       |      |       |       |       |       |    |  |     |     |  |     |     |  |       |       |  |       |       |  |  |      |     |     |    |       |       |      |      |      |     |      |      |       |       |     |    |    |      |      |     |    |     |     |      |       |       |    |       |       |   |   |       |       |      |      |     |     |     |      |      |    |    |  |
| DẬU  |              |  |  |      |     |     |    |       |       |      |      |        |        |      |       |       |       |      |      |    |        |        |     |       |       |     |     |       |       |      |       |       |       |       |    |  |     |     |  |     |     |  |       |       |  |       |       |  |  |      |     |     |    |       |       |      |      |      |     |      |      |       |       |     |    |    |      |      |     |    |     |     |      |       |       |    |       |       |   |   |       |       |      |      |     |     |     |      |      |    |    |  |
| Tân  |              |  |  |      |     |     |    |       |       |      |      |        |        |      |       |       |       |      |      |    |        |        |     |       |       |     |     |       |       |      |       |       |       |       |    |  |     |     |  |     |     |  |       |       |  |       |       |  |  |      |     |     |    |       |       |      |      |      |     |      |      |       |       |     |    |    |      |      |     |    |     |     |      |       |       |    |       |       |   |   |       |       |      |      |     |     |     |      |      |    |    |  |
| Thực   |              |  |  |      |     |     |    |       |       |      |      |        |        |      |       |       |       |      |      |    |        |        |     |       |       |     |     |       |       |      |       |       |       |       |    |  |     |     |  |     |     |  |       |       |  |       |       |  |  |      |     |     |    |       |       |      |      |      |     |      |      |       |       |     |    |    |      |      |     |    |     |     |      |       |       |    |       |       |   |   |       |       |      |      |     |     |     |      |      |    |    |  |
| Mộ   |              |  |  |      |     |     |    |       |       |      |      |        |        |      |       |       |       |      |      |    |        |        |     |       |       |     |     |       |       |      |       |       |       |       |    |  |     |     |  |     |     |  |       |       |  |       |       |  |  |      |     |     |    |       |       |      |      |      |     |      |      |       |       |     |    |    |      |      |     |    |     |     |      |       |       |    |       |       |   |   |       |       |      |      |     |     |     |      |      |    |    |  |

## Ý Nghĩa của từng trụ:

- Trụ năm tương trưng cho ông bà và tuổi thiếu niên của Quý Anh
- Trụ tháng tương trưng cho cha mẹ và tuổi thanh niên của Quý Anh
- Trụ ngày tương trưng cho bản thân, vợ chồng và tuổi trung niên của Quý Anh

- Trụ giờ tượng trưng cho con cái cái và tuổi già của Quý Anh

### Ý Nghĩa của 10 thần:

**1. Quan** (Chính quan) là cái khắc tói, đại diện cho quan chức tốt, chính trực trong chính quyền điều hành xã hội, mà con người phải tuân theo pháp luật nhà nước, nói chung chính quan được coi là cát thần, nhất là khi Thân vượng.

Công năng của chính quan trong mệnh là bảo vệ tài, áp chế Thân, khống chế tỷ và kiếp. Thân vượng tài nhược thì nên có chính quan để bảo vệ tài. Thân vượng mà ấn nhược thì chính quan sẽ sinh ấn và chế ngự Thân cho bớt vượng. Thân vượng kiếp nhiều thì chính quan sẽ khắc chế kiếp.

Trong mệnh chính quan đại diện cho chức vụ, học vị, thi cử, báu cử, danh dự... Với nam Chính quan còn đại diện cho tình cảm với con gái. Vì nam lấy tài làm vợ, tài sinh quan và sát là con, nên nam lấy quan làm con gái, sát làm con trai (vì âm, dương khác với nhật can là con gái, giống là con trai).

Tâm tính của chính quan : chính trực, có tinh thần trách nhiệm, đoan trang nghiêm túc, làm việc có đầu có đuôi. Nhưng dễ bảo thủ cứng nhắc, thậm chí là người không kiên nghị.

**2. Sát** (Thất sát, thiên quan) là cái khắc tói, nó thường đại diện cho quan lại xấu trong chính quyền. Trong mệnh thất sát chuyên tấn công lại Thân, cho nên Thân dễ bị tổn thương, khi đó cần có thực thương tới để khắc chế thất sát thì lại trở thành tốt (nghĩa là bắt quan xấu phải phục vụ cho mình “thất sát hóa thành quyền bính”). Nói chung khi Thân nhược thất sát được coi là hung thần.

Công năng của thất sát làm tổn hao tài, sinh ấn, công phá Thân, khắc chế tỷ kiếp.

Trong mệnh thất sát đại diện cho chức vụ về quân cảnh, hoặc nghè tư pháp, thi cử, báu cử ... Với nam thất sát còn đại diện cho tình cảm với con trai.

Tâm tính của thất sát, hào hiệp, năng động, uy nghiêm, nhanh nhẹn... Nhưng dễ bị kích động, thậm chí dễ trở thành người ngang ngược, truy lạc...

**3. Ấn** (Chánh ấn) là cái sinh ra tói, khi Thân nhược thường được coi là cát thần, ấn có nghĩa là con dấu, đại diện cho chức vụ, quyền lợi, học hành, nghè nghiệp, học thuật, sự nghiệp, danh dự, địa vị, phúc thọ... Chính ấn là sao thuộc về học thuật và còn đại diện cho tình cảm của mẹ đẻ.

Công năng của chính ấn, sinh Thân, xì hơi quan sát, chống lại thực thương.

Tâm tính của chính ấn, thông minh, nhân từ, không tham danh lợi, chịu đựng nhưng ít khi tiến thủ, thậm chí còn chậm chạp, trì trệ....

**4. Kiêu** (Thiên ấn) là cái sinh phù tói, đại diện cho quyền uy trong nghè nghiệp như nghệ thuật, nghệ sĩ, y học, luật sư, tôn giáo, kỹ thuật, nghè tự do, những thành tích trong dịch vụ.... Nó còn đại diện cho tình cảm của dì ghẻ.

Công năng của thiên ấn sinh Thân, xì hơi quan sát để sinh cho Thân, chống lại thực thương . Mệnh có thiên ấn có thể phù trợ cho Thân nhược. Nhưng gặp thực thần là mệnh lao dịch, vất vả. Thiên ấn quá nhiều thì đó là người phúc bạc, bất hạnh, tật bệnh hoặc con cái khó khăn khi đó chỉ có thiên tài mới có thể giải được các hạn này. Người mà túc trụ có Thân vượng, còn có kiêu, tài và quan tất là người phú quý. Mệnh có thiên ấn lại còn gặp quan sát hỗn tạp (có cả chính quan và thiên quan, không tính Quan và Sát là tạp khí ) là người thắng lợi nhiều mà thất bại cũng lắm. Nói chung khi Thân vượng thiên ấn được coi là hung thần.

Tâm tính của thiên ấn, tinh thông tay nghè, phản ứng nhanh nhạy, nhiều tài nghệ, nhưng dễ cô độc, thiếu tính người, thậm chí ích kỷ, ghê lạnh...

**5. Tỷ** (Kiên, Ngang vai) là ngang tói (là can có cùng hành và cùng dấu với Nhật Can), gọi tắt là tỷ. Đại diện cho tay chân cắp dưới, bạn bè, đồng nghiệp, cùng phe phái, tranh lợi, đoạt tài, khắc vợ, khắc cha ,... Nữ đại diện cho tình chị em, nam đại biểu cho tình anh em.

Công năng của ngang vai có thể giúp Thân khi Thân nhược, cũng như tài nhiều (của cải nhiều) nhờ ngang vai giúp Thân để khỏi mất của. Nhưng Thân vượng lại có ngang vai nhiều mà không bị chế ngự là tay chân cắp dưới không hòa thuận, hoặc kết hôn muộn, tính tình thô bạo, cứng nhắc, cố chấp, không hòa hợp với cộng đồng, khắc cha, khắc vợ, làm nhiều mà không gặp tiền của.

Tâm tính của ngang vai, chắc chắn, cương nghị, mạo hiểm, dũng cảm, có chí tiền thủ, nhưng dễ cô độc, ít hòa nhập, thậm chí cô lập, đơn cô. Nói chung khi thân vượng ngang vai được coi là hung thần (vì lúc đó nó tranh đoạt tài với Thân).

**6. Kiếp tài** cũng là ngang tôt (là can cùng hành nhưng khác dấu với Nhật Can), gọi tắt là kiếp. Nó đại diện cho tay chân cắp dưới, bạn bè, tranh lợi đoạt tài, khắc vợ, khắc cha, lang thang... Thân vượng mà có nhiều kiếp cũng giống như ngang vai ở trên. Nữ đại diện cho tình anh em, nam đại diện cho tình chị em....

Công năng của kiếp cũng giống như của ngang vai.

Tâm tính của kiếp tài là nhiệt tình, thẳng thắn, ý chí kiên nhẫn, phần đầu bất khuất, nhưng dễ thiên về mù quáng, thiếu lý trí, thậm chí mạnh động, liều lĩnh....

**7. Thực** (Thực thần) là cái mà nhật can sinh ra (cùng dấu với Nhật Can). Đại diện cho phúc thọ, người béo, có lộc. Nữ đại diện cho tình cảm với con gái.

Công năng của thực thần làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm quan bị tổn thương. Khi gặp sát thì có thể chế phục làm cho Thân được yên ổn không có tai họa, nên nói chung được xem là cát thần.

Tâm tính của thực thần, ôn hòa, rộng rãi với mọi người, hiền lành, thân mật, ra vẻ tốt bè ngoài nhưng trong không thực bụng, thậm chí nhút nhát, giả tạo. Can chi đều có thực thần thì phúc lộc dồi dào, nhưng không thích hợp cho người công chức mà thích hợp với những người làm nghề tự do. Mệnh nữ có thực thần là hay khinh rẻ chồng. Thực và sát cùng một trụ là người có dịp nắm quyền bính nhưng dễ bị vất vả, lao khổ, tai ách và ít con. Can có thực thần, chi có ngang vai là chủ về người có thân thích, bạn hữu hoặc tay chân giúp đỡ. Can là thực thần, chi là kiếp tài là chủ về người phúc đức giàu có, khi gặp điều xấu vẫn có lợi. Thực thần có cả kiếp tài, thiên ấn đi kèm là người dễ đoán thọ (?). Người tài nhiều thì diêm phúc ít. Thực thần lâm trường sinh vượng địa hoặc cát thần thì phúc lộc nhiều, phần nhiều là người phúc lộc thọ toàn diện. Thực thần lâm tử, tuyệt, suy thì phúc ít, bạc mệnh. Thực thần lâm mộ địa là người dễ chết yếu (?).

**8. Thương** (Thương quan) cũng là cái nhật can sinh ra (nhưng khác dấu với Nhật Can). Đại diện cho bị mất chức, bỏ học, thôi việc, mất quyền, mất ngôi, không chúng tuyn, không thi đỗ, không lợi cho người nhà và chồng. Nữ đại diện cho tình cảm với con trai.

Công năng của thương quan làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm thương tổn quan. Số nhất là "thương quan gặp quan là họa trăm đường ập đến". Nói chung thương quan được xem là hung thần, nhất là khi Thân nhược.

Tâm tính thông minh, hoạt bát, tài hoa dồi dào, hiếu thắng, nhưng dễ tùy tiện, thiếu sự kiềm chế ràng buộc, thậm chí tự do vô chính phủ....

Người thương quan lộ rõ (lộ và vượng) tâm tính thanh cao hiên ngang, dám chửi mắng cả quỷ thần. Nhật Can vượng thì lại càng hung hăng hơn, loại người này tính xấu. Những người bè trên cũng không dám đụng đến nó, kẻ tiểu nhân thì càng sợ mà lánh cho xa. Nhưng thương quan vượng mà Thân nhược thì tính tình vẫn là thương quan, chỉ có điều không ghê gớm đến như thế. Thương quan trong tứ trụ nếu có Thân vượng thì nó là hổ dụng thần khi hành đến vận tài phú quý tự nhiên đến.

**9. Tài** (Chính tài) là cái bị Thân khắc (có dấu khác với Nhật Can) là cái nuôi sống tôt. Đại diện cho tài lộc, sản nghiệp, tài vận, tiền lương. Còn đại diện cho vợ cả (với nam).

Công năng là sinh quan và sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thàn làm hại chính án. Nói chung chính tài được coi là cát thần.

Tâm tính cẩn cù, tiết kiệm, chắc chắn, thật thà, nhưng dễ thiên về cẩu thả, thiếu tính tiền thủ, thậm chí trở thành nhu nhược, không có tài năng....

Người Thân vượng, tài vượng là bậc phú ông trong thiên hạ, nếu có cả chính quan là phú quý song toàn, nam thì được vợ hiền nội trợ tốt. Ngược lại người Thân nhược mà tài vượng thì không những nghèo mà cùi tài rất khó khăn, trong nhà vợ nắm quyền hành. Tài nhiều thường không lợi cho đường học hành, là người dốt nát. Địa chi tàng tài là tài phong phú, tài thấu ra là người khảng khái. Tài có kho (ví dụ : nếu ất là tài thì kho là dàn và mao hay tàng trong các chi Thổ) khi gặp xung tất sẽ phát tài (như tài là Ất, Mậu hay Quý tàng trong Thìn khi gặp Tuất ở tuế vận xung Thìn). Thân vượng có chính tài còn gặp thực thần là được vợ hiền giúp đỡ.

Chính tài và kiếp tài cùng xuất hiện trong tú trụ thì trong cuộc đời dễ gặp phải tiểu nhân nên tài dễ bị tổn thất.

**10 T.Tài** (Thiên tài) cũng là cái bị Thân khắc (nhưng cùng dấu với Nhật Can) cũng là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho của riêng, trúng thưởng, phát tài nhanh, đánh bạc, tình cảm với cha. Với nam còn đại diện cho tình cảm với vợ lẽ.

Công năng của thiên tài: sinh quan sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thản, làm hại chính án. Nói chung thiên tài được coi là cát thần.

Tâm tính của thiên tài, khảng khái, trọng tình cảm, thông minh, nhạy bén, lạc quan, phóng khoáng, nhưng dễ thiên về ba hoa, bè ngoài, thiếu sự kiềm chế, thậm chí là người phù phiếm....

Thiên tài đại diện cho cha hoặc vợ lẽ, hoặc nguồn của cải bằng nghề phụ. Thân vượng, tài vượng, quan vượng thì danh lợi đều có, phú quý song toàn. Thiên tài thấu can thì kỵ nhất gặp tỷ và kiếp, vì như thế vừa khắc cha lại làm tổn hại vợ (với nam). Can chi đều có thiên tài là người xa quê lập nghiệp trở lên giàu có, tình duyên tốt đẹp, của cải nhiều. Thiên tài được lệnh (vượng ở tháng sinh) là cha con hoặc thê thiếp hòa thuận, được của nhờ cha hoặc nhờ vợ, cha và vợ đều sống lâu, vinh hiển (?). Thiên tài lâm mộc dục là người háo sắc phong lưu. Thiên tài lâm mộc địa là cha hoặc vợ dễ chết sớm (?).

Qua phần luận đoán vừa nói trên, chúng tôi hy vọng Quý Anh đã có được lời giải đáp cho vận mệnh của Quý Anh. Quý Anh có thể xem thêm phần [tử vi bình giải](#) để nắm rõ hơn các chi tiết khác về vận mệnh Quý Anh.

Xem Tướng chấm net chân thành chúc Quý Anh Xemtuong thật nhiều sức khỏe và vạn sự như ý.

Trân Trọng.

XemTuong.net